

Số 13/TB-HDQT

Hạ Long, ngày 01 tháng 4 năm 2020

### CÔNG BỐ THÔNG TIN

Về việc đăng tải mẫu biểu, nội dung của tài liệu sẽ được biểu quyết  
tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội  
- Quý cổ đông Công ty.

Tên giao dịch: **CÔNG TY CP THAN HÀ LÂM - VINACOMIN**  
Trụ sở chính: Số 1 phố Tân Lập, phường Hà Lâm, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh  
Mã chứng khoán: **HLC**  
Điện thoại: 0203.3825.339 - Fax: 0203.3821.203  
Người thực hiện Công bố thông tin: **Phạm Văn Tác**.  
Địa chỉ: Tổ 7 Khu 2A, phường. Cao Thắng, TP Hạ long, tỉnh Quảng Ninh  
Số điện thoại: 0912 392 290

**Nội dung thông tin công bố:** Các biểu mẫu, các nội dung sẽ được HDQT, BKS trình bày và xin ý kiến biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty CP than Hà Lâm - Vinacomin được tổ chức vào ngày 17/4/2020. Đồng thời, Thông báo danh sách người nội bộ và người có liên quan.

Công ty CP Than Hà Lâm - Vinacomin trân trọng thông báo và cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nội dung CBTT /.

(Các tài liệu đính kèm)

**Nơi nhận :**

- Cổ đông ;
- Phòng CV (đăng Website và CBTT)
- UBCKNN ; Sở GDCK Hà Nội ;
- Lưu Hồ sơ Đại hội.



**Phạm Văn Tác**

# ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

## MỤC LỤC TÀI LIỆU

TT	Nội dung
1	Dự thảo Chương trình họp đại hội
2	Mẫu Giấy đăng ký dự họp
3	Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền
4	Mẫu Thẻ (phiếu) biểu quyết
5	Danh sách các thành viên HĐQT để cổ đông xem xét ủy quyền
6	Dự thảo Quy chế làm việc của Đại hội
7	Báo cáo kết quả SXKD năm 2019, kế hoạch SXKD năm 2020 và đề xuất mức cổ tức năm 2020
8	Báo cáo Tài chính năm 2019 đã được kiểm toán,
9	Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019
10	Báo cáo thanh toán tiền thù lao, tiền lương của các thành viên HĐQT, BKS, các viên chức quản lý năm 2019; kế hoạch thù lao, tiền lương của các thành viên HĐQT, BKS, các viên chức quản lý năm 2020
11	Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị năm 2019, phương hướng hoạt động năm 2020.
12	Thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích liên quan ( <i>theo điểm a, khoản 4- Điều 159- Luật Doanh nghiệp 2014</i> )
13	Báo cáo hoạt động của BKS năm 2019, kế hoạch hoạt động của BKS năm 2020
14	Báo cáo của BKS báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2019 của Công ty.
15	Đề xuất của BKS lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.
16	Dự thảo Nghị quyết Đại hội

Hạ Long, ngày 01 tháng 4 năm 2020

“Dự thảo”

**CHƯƠNG TRÌNH**  
**Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020**  
**Công ty CP Than Hà Lâm - Vinacomin**

- Thời gian họp Đại hội dự kiến: 07h -:- 11h30 ngày 17/4/2020
- Địa điểm: Hội trường Công ty CP Than Hà Lâm - Vinacomin.
- Địa chỉ: Số 1, phố Tân Lập, phường Hà Lâm, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

TT	Thời gian	Nội dung	Người thực hiện
1	7h-7h30	- Đăng ký cổ đông tham dự Đại hội, phát thẻ biểu quyết.	Ban kiểm tra tư cách cổ đông
2	7h30-7h40	- Ôn định tổ chức - Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, - Mời Chủ tịch HĐQT lên điều hành Đại hội (chủ tọa)	Thành viên HĐQT
3	7h40- 7h55	- Chủ tọa đề cử và Đại hội bầu Ban Thư ký Đại hội (01 người) - Chủ tọa đề cử Ban kiểm phiếu gồm 3 người để kiểm phiếu biểu quyết các báo cáo, tờ trình.	Chủ tọa
4	7h55-8h05	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông, người đại diện và điều kiện tiến hành Đại hội.	Ban kiểm tra tư cách cổ đông
5	8h05-8h20	- Thông báo Chương trình Đại hội - Thông báo Quy chế làm việc của Đại hội	Thành viên HĐQT
6	8h20-8h25	- Biểu quyết thông qua Chương trình Đại hội - Biểu quyết thông qua Quy chế làm việc của Đại hội	Chủ tọa
7	8h25-8h45	Báo cáo kết quả SXKD năm 2019, kế hoạch SXKD và dự kiến mức cổ tức năm 2020.	Thành viên HĐQT



TT	Thời gian	Nội dung	Người thực hiện
8	8h45-9h20	- Báo cáo Tài chính năm 2019 đã được kiểm toán, - Báo cáo Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 - Báo cáo thanh toán tiền thù lao, tiền lương của các thành viên HĐQT, BKS, các viên chức quản lý năm 2019; kế hoạch thù lao, tiền lương của các thành viên HĐQT, BKS, các viên chức quản lý năm 2020	Thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền báo cáo
9	9h20- 9h35	Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị năm 2019, phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2020.	Thành viên HĐQT
10	9h35-9h45	Thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích liên quan ( <i>theo điểm a, khoản 4- Điều 159- Luật Doanh nghiệp 2014</i> )	Thành viên HĐQT
11	9h45- 10h15	- Báo cáo hoạt động của BKS năm 2019, kế hoạch hoạt động của BKS năm 2020. - Báo cáo thẩm định Báo cáo Tài chính, Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2019 của Công ty - Đề xuất của BKS lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.	BKS
12	10h15-10h30	Giải lao 15 phút	Chủ tọa
13	10h30-10h50	Thảo luận, phát biểu ý kiến và trả lời ý kiến	Chủ tọa
14	10h50-11h05	Biểu quyết các nội dung đã báo cáo, tờ trình.	
15	11h05-11h15	Trình bày dự thảo Biên bản và dự thảo Nghị quyết Đại hội	Thư ký
16	11h15-11h20	Xin ý kiến đại hội về dự thảo Biên bản và dự thảo Nghị quyết Đại hội;	Chủ tọa
17	11h20- 11h25	Biểu quyết thông qua biên bản và Nghị quyết Đại hội	



“Mẫu Giấy đăng ký dự họp Đại hội”

**GIẤY ĐĂNG KÝ**  
**Dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020**

Kính gửi: Ban tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông  
Công ty CP Than Hà Lâm - Vinacomin

Trên cơ sở nội dung Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty CP Than Hà Lâm-Vinacomin, nay đăng ký dự họp Đại hội của Công ty như sau:

Họ và tên cổ đông (hoặc tổ chức đăng ký dự họp Đại hội).....

Địa chỉ:.....

Số CMND (hoặc căn cước công dân; hộ chiếu; Đăng ký kinh doanh) số.....  
ngày.....tháng.....năm.....nơi cấp .....

Điện thoại: ..... Fax ..... Email.....

Số lượng cổ phần thuộc sở hữu của cổ đông.....

Trân trọng thông báo để Công ty biết và tổng hợp./.

**Người đăng ký dự họp**  
(ký và ghi rõ họ tên)

*Ghi chú:*

- Số cổ phần của cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam lập và được đăng tải trên trang thông tin điện tử Website: <http://halamcoal.com.vn> (Mục quan hệ cổ đông) trước ngày 03/4/2020 để cổ đông đối chiếu.

- Trường hợp cổ đông là cơ quan, tổ chức, thì phải có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật hoặc người đứng đầu tổ chức đó và đóng dấu.

- Trường hợp theo yêu cầu phòng, chống dịch Covid-19, Công ty quyết định **hoãn họp Đại hội**, thì trước thời điểm khai mạc Đại hội 05 ngày, Công ty sẽ có thông báo trên Website: <http://halamcoal.com.vn> (Mục quan hệ cổ đông) và Công bố thông tin trên trang điện tử của UBCKNN, Sở GD&ĐT Hà Nội để quý cổ đông và người đại diện biết thực hiện theo nội dung thông báo.

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

**THẺ BIỂU QUYẾT**  
**HỌ VÀ TÊN CỔ ĐÔNG**  
(hoặc người đại diện)

Dấu

MÃ SỐ

**001**

**NGUYỄN VĂN A**

TỔNG SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU VÀ ĐẠI DIỆN

**12.345**

TT	Thời gian	Nội dung	Người thực hiện
18	11h25-11h30	Bế mạc Đại hội	

## DANH SÁCH

### Các thành viên HĐQT để cổ đông xem xét ủy quyền

Theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty CP than Hà Lâm-Vinacomin, cổ đông có quyền dự họp đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông không thể dự họp Đại hội, cổ đông có thể ủy quyền cho người khác dự họp và thực hiện các quyền tại Đại hội.

Nếu cổ đông không chỉ định đại diện ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty, thì cổ đông có thể xem xét ủy quyền cho một hoặc các thành viên HĐQT có tên dưới đây:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số CMTND	Ngày cấp	Nơi cấp
1	Nguyễn Trọng Tốt	Chủ tịch HĐQT	034065002627	23/5/2016	Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG Cảnh sát
2	Phạm Công Hương	Thành viên HĐQT	013376754	09/3/2011	CA Hà Nội
3	Trần Mạnh Cường	Thành viên HĐQT	100576247	19/6/2013	CA Quảng Ninh
4	Trương Ngọc Linh	Thành viên HĐQT	100650427	09/4/2010	CA Quảng Ninh
5	Vũ Ngọc Thắng	Thành viên HĐQT	100721152	10/02/2009	CA Quảng Ninh



Hạ Long, ngày tháng 4 năm 2020

**“Dự thảo”**

**QUY CHẾ LÀM VIỆC**  
**Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020**  
**Công ty cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13, ngày 26/11/2014 của Quốc hội

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Than Hà Lâm - Vinacomin,

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty CP Than Hà Lâm - Vinacomin được tổ chức và thực hiện theo Quy chế này;

**Chương I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Mục đích và yêu cầu**

1. Mục đích: Để Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 làm việc đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin (sau đây viết tắt là Công ty), nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty và của cổ đông.

2. Yêu cầu: Nội dung Quy chế đảm bảo nguyên tắc không trái pháp luật và Điều lệ Công ty.

**Điều 2. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi áp dụng: Quy chế này được áp dụng trong thời gian tổ chức họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty (sau đây viết tắt là Đại hội)

2. Đối tượng áp dụng: Bao gồm các cổ đông, người đại diện theo ủy quyền và các thành phần khác được mời dự họp Đại hội.

**Chương II**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 3. Điều kiện dự họp Đại hội**

Là cổ đông của Công ty có tên trong danh sách do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chốt ngày 17/3/2020 hoặc người đại diện do một cổ đông hoặc nhóm cổ đông ủy quyền và những thành phần khác được mời dự họp Đại hội.

**Điều 4. Quyền, nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền dự họp đại hội (sau đây viết tắt là người dự họp)**

**1. Quyền**

a) Được trực tiếp họp đại hội; thảo luận, phát biểu ý kiến và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ

Công ty. Việc biểu quyết thông qua các nội dung được thực hiện dưới hình thức giờ thẻ biểu quyết.

b) Khi tới dự họp Đại hội được nhận 01 Thẻ biểu quyết và tài liệu đại hội.

c) Người dự họp đến muộn có quyền đăng ký và tham gia biểu quyết ngay tại Đại hội đối với các vấn đề chưa biểu quyết, khi đó Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội và hiệu lực của các lần biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

## 2. Nghĩa vụ:

a) Người dự họp phải mang theo Giấy chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân, Hộ chiếu... Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền);

b) Khi vào phòng họp Đại hội, Người dự họp hoặc người phiên dịch phải tuyệt đối tuân thủ sự sắp xếp của Ban tổ chức, ngồi đúng vị trí theo Mã số cổ đông do Ban tổ chức dán sau ghế ngồi.

c) Không hút thuốc hoặc sử dụng chất kích thích khác trong phòng họp Đại hội và không dự họp đại hội trong tình trạng say rượu hoặc ảnh hưởng của chất kích thích khác đến mức không làm chủ hành vi của mình.

d) Không nói chuyện riêng, không làm việc riêng, không thực hiện những hành vi gây mất trật tự hoặc có hành vi khác gây trở ngại cho quá trình diễn ra đại hội... không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội (tất cả các máy điện thoại di động phải đặt chế độ rung hoặc tắt máy). Trường hợp do sự kiện bất khả kháng phải sử dụng điện thoại hoặc việc cá nhân thì xin ý kiến Chủ tọa Đại hội ra ngoài phòng họp để xử lý việc đó.

e) Chỉ phát biểu tại Đại hội về những nội dung có trong Chương trình Đại hội.

g) Trước khi vào phòng họp Đại hội, người dự họp phải rửa tay bằng nước sát khuẩn tại vị trí sát cửa phòng họp. Trong phòng họp phải đeo khẩu trang, mỗi người cách xa tối thiểu 2m để phòng chống dịch bệnh Covid-19.

h) Tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa Đại hội.

## Điều 5. Sử dụng thẻ biểu quyết.

### 1. Nguyên tắc chung:

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội phải được Đại hội thảo luận và tiến hành biểu quyết công khai bằng thẻ biểu quyết.

- Thẻ biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho Người dự họp đại hội. Mỗi đại biểu được cấp một Thẻ biểu quyết. Trên Thẻ biểu quyết có ghi rõ mã số, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền.

2. Cách thức biểu quyết: Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không ý kiến”. Khi biểu quyết cần giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ hướng về phía Chủ tọa đại hội.

- Trường hợp người dự họp dơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết hoặc 2 trong 3 lần (Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến) của cùng một vấn đề thì được xem như việc biểu quyết cho vấn đề đó là không hợp lệ.

- Trường hợp cả 3 lần người dự họp đều không dơ thẻ biểu quyết cho một vấn đề nhưng không nói rõ lý do, thì được coi là không sử dụng quyền biểu quyết trong Đại hội và sẽ được thư ký ghi vào biên bản Đại hội.

### **Điều 6. Trách nhiệm của Người phiên dịch**

1. Không thực hiện một trong những hành vi cấm trong khi dự họp đại hội như đối với cổ đông hoặc người đại diện quy định tại Điều 4 Quy chế này.
3. Phiên dịch đúng và đầy đủ ý kiến trả lời của Chủ tọa, các ý kiến của Ban tổ chức, Ban kiểm tra tư cách cổ đông và nội dung các báo cáo, biên bản, Nghị quyết đại hội ra thứ tiếng theo yêu cầu của Người dự họp.
4. Không được làm mất trật tự đại hội trong quá trình phiên dịch.
5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung phiên dịch.

### **Chương III**

#### **BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG, BAN KIỂM PHIẾU**

**Điều 7.** Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau:

##### **1. Quyền:**

- a) Yêu cầu Người dự họp đại hội xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân, Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền).
- b) Hướng dẫn và giải thích cho Người dự họp những vấn đề họ chưa nắm rõ khi đăng ký dự họp.

##### **2. Nghĩa vụ**

- a) Cấp cho Người dự họp “Thẻ biểu quyết” và tài liệu đại hội (kể cả những trường hợp đến muộn)
- b) Lập Biên bản kết quả kiểm tra tư cách Người dự họp và báo cáo kết quả tại Đại hội;
- c) Báo cáo với Đại hội trước mỗi lần biểu quyết nếu có sự thay đổi về số lượng Người dự họp khi phát sinh tình huống sau:
  - Người dự họp đến muộn và được đăng ký dự họp.
  - Người dự họp tự ý bỏ dự họp đại hội trong bất kỳ thời điểm nào.
- d) Chuyển kết quả kiểm tra tư cách Người dự họp cho Chủ tọa đại hội ngay sau khi bế mạc đại hội và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước đại hội về kết quả kiểm tra tư cách Người dự họp.
- e) Thực hiện các công việc khác khi Chủ tọa Đại hội yêu cầu.

### **Điều 8. Trách nhiệm của Ban Kiểm phiếu biểu quyết**

Ban Kiểm phiếu biểu quyết do Đại hội bầu, có nhiệm vụ sau:

1. Kiểm phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu biểu quyết đối với từng nội dung theo sự điều hành của Chủ tọa dưới hình thức câu hỏi.
2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và đại hội về tính chính xác đối với kết quả biểu quyết.

### **Chương III**

#### **CHỦ TỌA VÀ THƯ KÝ ĐẠI HỘI**

### **Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa**

Chủ tịch HĐQT Công ty là Chủ tọa Đại hội. Chủ tọa đại hội có các quyền và nghĩa vụ cơ bản sau:

##### **1. Quyền:**

- a) Điều hành họp đại hội.

b) Quyết định trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

c) Quyết định trì hoãn họp Đại hội đến một thời điểm và địa điểm khác nếu chủ tọa nhận thấy rằng: *Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp....*

d) Không trả lời những ý kiến nằm ngoài chương trình đại hội. Nhưng chủ tọa sẽ ghi nhận những ý kiến đó.

e) Cắt ý kiến phát biểu của Người dự họp khi Người dự họp phát biểu ý kiến nằm ngoài nội dung chương trình Đại hội, ý kiến trùng lặp hoặc ý kiến phát biểu không rõ ràng.

g) Trục xuất những người có biểu hiện gây rối, không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội.

h) Chủ tọa đề cử, đại hội bầu Thư ký Đại hội lập biên bản họp Đại hội và thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa.

i) Thay đổi hình thức họp để phòng chống dịch bệnh Covid-19 phù hợp với chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền.

k) Chủ tọa có các quyền khác theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

## **2. Nghĩa vụ:**

a) Điều hành họp đại hội đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Chương trình họp đại hội.

b) Trả lời đầy đủ các ý kiến, kiến nghị của Người dự họp về những vấn đề phù hợp với Chương trình đại hội.

c) Ký ban hành Biên bản, Nghị quyết họp Đại hội và thực hiện các nghĩa vụ khác theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty

## **Điều 10. Thư ký Đại hội**

**1. Quyền:** Cùng Chủ tọa thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển họp đại hội một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo Chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp theo quy định của Điều lệ Công ty.

## **2. Nghĩa vụ:**

a) Ghi chép đầy đủ, trung thực quá trình đại hội diễn ra;

b) Trình bày dự thảo Biên bản, Nghị quyết đại hội;

c) Cùng Chủ tọa liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung Biên bản, chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ Biên bản và nghị quyết đại hội.

## **Chương IV**

### **THỂ THỨC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI**

## **Điều 11. Điều kiện tiến hành Đại hội**

1. Đại hội được tiến hành khi có số Người dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội.

2. Trường hợp Đại hội không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên, thì việc triệu tập và tiến hành Đại hội cổ đông các lần tiếp theo Điều lệ Công ty.

## **Điều 12. Thông qua quyết định của Đại hội**

Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3- Điều 20- Điều lệ, nội dung của Nghị quyết về các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội được thông qua khi có từ 51% tổng số phiếu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội.

## **Điều 13. Phát biểu ý kiến tại Đại hội**

1. Nguyên tắc: Trước khi phát biểu, Người dự họp phải đăng ký nội dung phát biểu. Mẫu đăng ký phát biểu nhận tại bàn Thư ký Đại hội. Thư ký Đại hội có trách nhiệm nhận và chuyển đăng ký phát biểu của Người dự họp cho Chủ tọa.

2. Cách thức phát biểu: Người dự họp phát biểu ngắn gọn, đúng nội dung đã đăng ký và phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội. Chủ tọa sẽ sắp xếp cho Người dự họp phát biểu theo thứ tự đăng ký. Người dự họp không phát biểu lại những ý kiến đã được Người khác phát biểu hoặc nội dung đó đã được Chủ tọa trả lời.

## **Chương V**

### **BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI**

## **Điều 14. Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**

1. Biên bản và Nghị quyết Đại hội được lập bằng tiếng Việt và phải có các nội dung theo quy định của pháp luật.

2. Biên bản và Nghị quyết Đại hội phải được đọc và xin ý kiến biểu quyết trước khi bế mạc Đại hội

3. Biên bản được gửi cho cổ đông bằng hình thức đăng tải trên Website của Công ty: Website: [halamcoal.com.vn](http://halamcoal.com.vn) (*Mục Quan hệ cổ đông, chọn Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020*). Trường hợp cổ đông, người đại diện có yêu cầu gửi bản cứng, Công ty sẽ gửi qua đường Bưu điện hoặc bản fax.

Trên đây là Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Than Hà lâm - Vinacomin.

Đề nghị đại hội thông qua./.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

### **Nơi nhận:**

- Cổ đông của Công ty;
- Người UQCBTT;
- Phòng Tin học (Website)
- UBCKNN; Sở GDCKHN;
- Lưu Thư ký HĐQT; Hồ sơ Đại hội.

**Nguyễn Trọng Tốt**

## BÁO CÁO

**Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019;  
kế hoạch sản xuất kinh doanh và đề xuất mức cổ tức năm 2020**

### Phần I

## KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH (SXKD) NĂM 2019

### I. TÌNH HÌNH CHUNG

#### 1- Thuận lợi:

- Diện sản xuất của Công ty CP than Hà LÂM –Vinacomin (Công ty) đã được chuẩn bị từ đầu kỳ kế hoạch nên đảm bảo đủ diện cho sản xuất. Các khu vực khai thác mở đúng yêu cầu và tiến độ, đáp ứng sản xuất ngay từ đầu năm.

- Một số khâu đã được cơ giới hóa góp phần tăng năng suất lao động và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.

- Giữa người lao động và người sử dụng lao động đảm bảo mối quan hệ hài hòa phù hợp với pháp luật và hợp đồng lao động; tình hình trật tự trị an của doanh nghiệp được đảm bảo.

#### 2- Khó khăn.

+ Diện sản xuất năm 2019 có 4 trên tổng số 5 lò chợ nằm gần khu vực khai thác cũ, gần các dáy moong đã khai thác lộ thiên, trong quá trình đào lò và khai thác bị ảnh hưởng của nước khu vực khai thác cũ phía trên.

+ Lò chợ CGH via 11 công suất 600.000 tấn/năm: Lò chợ khai thác dưới moong mức -60, -80 via 14 cánh tây Núi Béo đã kết thúc khai thác và đổ thải, để đảm bảo an toàn trong quá trình khấu Công ty đã lập phương án số 1496/PA-HLC ngày 15/8/2019 đã được TKV thông qua, Công văn số 5075/ TKV-KCM ngày 09/10/2019 (khấu than theo 03 giai đoạn: thu hồi than nóc từ 50%:-80%).

+ Lò chợ CGH via 7 công suất 1.200.000 tấn/năm : Lò chợ CGH đồng bộ 7-3.1 via 7 khai thác trong điều kiện địa chất khó khăn và phức tạp, trong quá trình khai thác thường xuyên gặp các đứt gãy, một số vị trí via than có góc dốc thay đổi cục bộ đến  $26^{\circ} \div 27^{\circ}$ , trụ nổi cục bộ (cả theo phương và theo hướng dốc); Do đó trong quá trình khai thác phải khoan nổ mìn cắt đá trụ (chiều dài cắt đá trung bình  $L = 80 \div 120m / 155m$  chiều dài theo hướng dốc của lò chợ ; chiều cao cắt đá từ  $0,5 \div 3m$ ), một số đoạn lò chợ phải khấu bỏ trụ via (để đảm bảo duy trì góc dốc lò chợ cho thiết bị CGH hoạt động), một số đoạn phải khấu căn chỉnh dàn chống (do góc dốc lò chợ lớn dẫn đến bị trôi, nghiêng dàn phải củng cố trái

lưới thép lên nóc dàn và bơm hóa chất để gia cố nền lò chợ), khâu về tiền trước phía chân chợ (để giảm độ dốc lò chợ)...nên sản lượng than lò chợ Cơ giới hóa không đạt được kế hoạch giao dẫn đến sản lượng khai thác than hầm lò không đạt kế hoạch năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông .

+ Lò đào: Một số đường lò dự kiến thi công chống giữ bằng vì neo BTCT, neo chất dẻo cốt thép kết hợp neo cáp để đẩy nhanh tiến độ thi công, nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí giá thành nhưng do điều kiện địa chất thay đổi không thể chống giữ bằng vì neo dẫn đến tiến độ thi công chậm. Các diện đào lò không tập trung dẫn đến công tác quản lý, vận chuyển thiết bị, vật tư đi lại mất nhiều thời gian. Khối lượng thực hiện mét lò đào giảm 348m so với kế hoạch năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 tương ứng với khối lượng mét lò giảm theo hêt số mét lò CBSX /1000 tấn than nguyên khai hầm lò giảm .

+ Khu vực khai thác lộ thiên Khu II – vỉa 11 do nằm trên khu vực đã khai thác hầm lò cũ trước đây, đất đá nứt nẻ dẫn đến khó khăn cho công tác nổ mìn, xúc bốc tách lọc than.

+ Một số tuyến đường vận chuyển bị sụt lún do ảnh hưởng của việc khai thác than hầm lò nên Công ty phải chuyển đảo theo từng kỳ kế hoạch, do đó cung độ vận chuyển tăng.

## II. KẾT QUẢ SXKD NĂM 2019 VỀ MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

### 1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KH NĂM 2019	KH NĂM 2019 ĐIỀU CHỈNH	THỰC HIỆN NĂM 2019	SO SÁNH %	
						TH/KH	TH/ KHDC
A	B	C	1	2	3	4=3/1	5=3/2
1	Than nguyên khai khai thác	Tấn	3 150 000	3 265 000	3 270 468	103,82	100,17
	- Than lộ thiên	"	750 000	965 000	965 591	128,75	100,06
	- Than hầm lò	"	2 400 000	2 300 000	2 304 877	96,04	100,21
2	Đất bốc CBSX	1000 m <sup>3</sup>	1 430	2 500	2 501	174,89	100,04
3	Đào lò CBSX	m	9 500	9 100	9 152	96,34	100,57
4	Than tiêu thụ	Tấn	3 005 000	3 120 000	3 165 420	105,33	101,45
5	Doanh thu than	Tr.đồng	2 973 677	3 117 638	3 136 722	105,48	100,61
6	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	43.048	62.722	79.348	184,3	126,5
7	Lợi nhuận sau thuế *	Tr. đồng			20.159		
8	Lao động bình quân	Người	3 145	3 145	3 100	98,57	98,57

TT	TÊN CHỈ TIÊU	DVT	KH NĂM 2019	KH NĂM 2019 ĐIỀU CHỈNH	THỰC HIỆN NĂM 2019	SO SÁNH %	
						TH/KH	TH/ KHĐC
9	Tiền lương bình quân/người/tháng	1000đ	13 540	13 540	13 935	102,91	102,91

\* Lợi nhuận sau thuế đã tính nộp thuế TNDN của phần chi phí lãi vay vượt quy định theo Nghị định 20/2017 ngày 24/12/2017 của Chính phủ

## 2. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản năm 2019.

- Về quyết toán Dự án nhóm A: Dự án đầu tư khai thác phần dưới mức -50-Mỏ Than Hà Lâm - Công ty Than Hà Lâm (điều chỉnh) với tổng mức 6.998 tỷ đồng.

Từ năm 2017, dự án kết thúc giai đoạn thực hiện đầu tư, dự án đạt công suất thiết kế 2,4 Triệu tấn/năm. Từ năm 2018 dự án chuyển sang giai đoạn lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành. Dự kiến hồ sơ quyết toán dự án sẽ đề nghị HĐQT phê duyệt trong Quý II/2020.

-Thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2019 tính trên cơ sở hóa đơn đối với hạng mục thực hiện và tạm ứng đối với hạng mục mới ký hợp đồng như sau:

DVT: triệu đồng

TT	Nội dung công việc	KH 2019	KH 2019 điều chỉnh	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ hoàn thành
<b>I</b>	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>221.566</b>	<b>132.228</b>	<b>110.317</b>	<b>83%</b>
1	Xây lắp	19.780	8.913	8.913	100%
2	Chi phí thiết bị	186.902	110.002	95.848	87%
3	Chi phí tư vấn và chi phí khác	14.884	13.314	5.556	42%

### \* Nguyên nhân kế hoạch đầu tư xây dựng chưa đạt 100% Kế hoạch:

- Đối với việc mua sắm thiết bị mới đạt 87% do nguyên nhân sau: Trong quý IV/2019 Công ty tổ chức lựa chọn Nhà thầu đối với 02 gói thầu “Cung cấp thiết bị chống giữ duy trì công suất lò chõ Cơ giới hóa đồng bộ công suất 600.000 tấn/năm” và gói thầu “Cung cấp thiết bị bơm tro bay phòng ngừa sự cố cháy nội sinh cho các vỉa than có tính tự cháy”. Đây là 02 gói thầu có giá trị lớn và yêu cầu kỹ thuật cao, việc xét thầu thuê Cục quản lý đấu thầu tổ chức thẩm định nên chưa ký hợp đồng và giải ngân giá trị tạm ứng hợp đồng trong năm 2019, nên làm giảm đến giá trị thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản (XD CB) trong năm 2019 (giá trị tạm ứng cho 02 hạng mục này 29.414 triệu đồng) dẫn đến không đạt mục tiêu so với kế hoạch được giao.

- Đối với chi phí tư vấn đạt 42% so với kế hoạch do nguyên nhân sau: Chi phí Lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành, kiểm toán dự án, thẩm tra dự án hoàn thành (tổng 7.758 triệu đồng) do quyết toán chưa được phê duyệt nên chưa



đủ điều kiện nghiệm thu thanh toán trong năm 2019, Công ty chuyển sang trả nợ thiếu nguồn trong năm 2020.

- Tình hình thanh toán giải ngân khối lượng XD/CB hoàn thành:

Công tác giải ngân khối lượng XD/CB hoàn thành: Công ty đang tiến hành giải ngân theo tiến độ thực hiện của các gói thầu và theo quy định trong từng hợp đồng.

Trong năm 2019 tổng giá trị đã giải ngân đạt 87.676 triệu đồng, giá trị chưa giải ngân 22.641 triệu đồng.

## **2. Công tác quản trị chi phí, giá thành**

Công ty đã ban hành Quyết định số 278/QĐ-HLC, ngày 21/01/2019 về các giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2019; Quyết định số 916/QĐ-HLC, ngày 05/3/2019 về Chương trình hành động tăng cường công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019 theo Chỉ thị 125 của Tổng Giám đốc Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam để chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện công tác quản trị chi phí, giá thành; kiểm soát nâng cao chất lượng than sản xuất và tiêu thụ, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; cân đối được tài chính đảm bảo nguồn chi trong năm.

Công tác quản trị chi phí, giá thành năm 2019 được thực hiện trên các mặt, trong đó có một số nội dung cơ bản sau:

- Triển khai đồng bộ trong toàn Công ty về các giải pháp tiết kiệm chi phí, kiểm soát chặt chẽ chi phí từ đầu vào đến đầu ra, chi phí dịch vụ ở tất cả các công đoạn SX/KD và được gắn liền với tiết kiệm chi phí, có kiểm soát; đề ra phương án thực hành tiết kiệm nhiên liệu, động lực, thép chống lò và ray thu hồi, chi phí sửa chữa thiết bị và phát huy các sáng kiến hợp lý hoá sản xuất...và thông qua đấu thầu; quản lý tài nguyên; kỹ thuật cơ bản, an toàn; an ninh và bảo vệ môi trường,

- Tổ chức hạch toán riêng chi phí sản xuất các công đoạn và giá thành sản xuất than để có căn cứ kiểm soát và điều hành chi phí chung toàn Công ty.

- Ký hợp đồng giao khoán chi phí cho phân xưởng theo các chỉ tiêu: Chất lượng than, sản lượng và khối lượng công tác mỏ và thực hiện các định mức tiêu hao trong sản xuất.

- Ban hành các quy chế, quy định để làm cơ sở cho việc thực hiện và kiểm tra các mặt quản lý của Công ty; tăng cường kiểm soát nội bộ, phổ biến giáo dục pháp luật có liên quan cho cán bộ quản lý và người lao động...nhằm phòng ngừa rủi ro về mặt pháp lý cho doanh nghiệp và vi phạm pháp luật.

## **3. Tái cơ cấu về tổ chức và lao động.**

Triển khai thực hiện đề án tái cơ cấu lao động theo Công ty giai đoạn 2017÷2020 theo quyết định số 500/QĐ-TKV ngày 30/3/2018 của Hội đồng thành viên TKV và Kế hoạch được HĐQT Công ty phê duyệt tại NQ số 05 ngày 25/7/2018: Trong năm 2019 đã hợp nhất PX Sàng tuyển với PX Sàng 28 thành PX Sàng tuyển chế biến. Hiện nay toàn Công ty còn 15 phòng và 01 Ban Quản lý dự án; 22 công trường, phân xưởng và 01 Trạm Y tế;

## **4. Công tác khác**

Ngoài kết quả SXKD và các mặt hoạt động nêu trên, Công ty thực hiện thanh tra, kiểm toán nội bộ nhằm phòng ngừa rủi ro trong doanh nghiệp; thực hiện các quy định của pháp luật về công tác kế toán- tài chính -thống kê; tăng cường phổ biến giáo dục pháp luật nhằm nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong Công ty; kiểm soát thực hiện các biện pháp kỹ thuật an toàn, bảo vệ môi trường; phối hợp với chính quyền và một số cơ quan đóng trên địa bàn tham gia bảo vệ an ninh trật tự, bảo vệ tài sản và ranh giới mỏ; từng bước cải thiện điều kiện làm việc và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động; phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước; thanh toán trả cổ tức cho các cổ đông đúng trong thời hạn luật định...

Công ty đã phối hợp với UBND Tỉnh Quảng Ninh, TKV phân định ranh giới quản lý khai thác tài nguyên để duy trì sản xuất dài hạn (phân định ranh giới quản lý khai thác tài nguyên của Công ty với Ranh giới nghiên cứu Quy hoạch đầu tư tổ hợp đô thị, du lịch nghỉ dưỡng sân golf và vui chơi giải trí tại phường Hà Lâm, Hà Trung do Tập đoàn FLC lập).

Gia hạn giấy phép khai thác lộ thiên khu II –Via 11 mở rộng đến hết 31/12/2019 .

## Phần II

### KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2020 VÀ GIẢI PHÁP ĐIỀU HÀNH

#### I. KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2020

##### 1. Một số chỉ tiêu chủ yếu KHSXKD năm 2020.

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2020
1	Than nguyên khai khai thác	1000Tấn	<b>2.685</b>
	- Than lộ thiên	"	285
	- Than hầm lò	"	2.400
	+ Trong đó than lò chợ CGH:	"	1.800
2	Đất CBSX	1000 m <sup>3</sup>	480
3	Mét lò CBSX	"	9.500
4	Than tiêu thụ	1000Tấn	2.686
5	Doanh thu than	Tr.đồng	2.871.880
6	Lợi nhuận sản xuất than	"	43.367
7	Lao động bình quân	Người	3.056
8	Tiền lương bình quân/người/tháng	1000đ	15.212

##### 2. Kế hoạch đầu tư XD CB năm 2020.

Căn cứ Công văn số 6428/TKV-ĐT, ngày 26/12/2019 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than –Khoáng sản Việt Nam thông báo kế hoạch

ĐTXD năm 2020 và Quyết định số 02/QĐ-HĐQT, ngày 03/01/2020 của HĐQT Công ty phê duyệt kế hoạch ĐTXD năm 2020 của Công ty như sau:

- Tổng giá trị: 323.025 Tr.đ

Trong đó

- Xây dựng: 19.961 Tr.đ

- Thiết bị: 286.230 Tr.đ

- Khác: 16.834 Tr.đ

## **II- MỘT SỐ CÔNG VIỆC VÀ GIẢI PHÁP ĐIỀU HÀNH NĂM 2020**

### **1. Một số công việc cần làm trong năm 2020**

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý Nhà nước, Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về quản lý về tài nguyên ranh giới mỏ, xem xét kỹ về mức độ chông lấn ranh giới ảnh hưởng đến khai thác và có ý kiến cụ thể về Quy hoạch đầu tư tổ hợp đô thị, du lịch nghỉ dưỡng sân golf và vui chơi giải trí tại phường Hà Lâm, Hà trung do Tập đoàn FLC lập và ý kiến chỉ đạo của tỉnh UBND tỉnh Quảng Ninh. Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa các mục tiêu bảo vệ tại khai trường của Công ty.

- Đẩy mạnh công tác cơ giới hóa tự động hóa đã triển khai từ năm 2018 trong đó hoàn thiện công tác vận hành, bảo dưỡng, quản lý thiết bị lò chợ CGH, nghiên cứu công nghệ thay thế dần các lò chợ thủ công khoan nổ mìn chống bằng giá xích ZH 1800/18/24 hiện nay sang cơ giới đồng bộ sử dụng giàn nhẹ.

- Lập kế hoạch theo từng kỳ bám sát thực tế, kiểm điểm điều hành theo từng quý trong đó tập trung nâng cao hiệu quả của kế hoạch điều hành sản xuất theo từng tháng, quý; huy động thiết bị tới từng thiết bị, quản lý tới đầu từng đầu thiết bị theo từng quý; phân bổ sử dụng lao động theo từng quý cho từng đơn vị công trường, phân xưởng; khoán chi phí sản xuất; áp dụng giải pháp tin học hóa vào công tác khoán chi phí sản xuất.

### **2. Các giải pháp chính trong năm 2020**

#### **(i) Giải pháp về chiến lược lâu dài**

Triển khai đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng từ mức -50 ÷ -600 trong ranh giới mỏ, đánh giá tài nguyên đến đáy tầng than (dự kiến mức -800) phục vụ lập dự án đầu tư với khối lượng là 33.935mk/69LK; khoan thăm dò phục vụ khai thác là 3.740 mk/9LK; triển khai công tác chuẩn bị đầu tư: Lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án khai thác trụ bảo vệ mỏ Hà Lâm

#### **(ii) Giải pháp trong từng lĩnh vực:**

- Tăng cường công tác phổ biến kiểm tra, giám sát việc thực hiện các biện pháp kỹ thuật an toàn, không để xảy ra sự cố có tính chất nghiêm trọng, phấn đấu không để xảy ra tai nạn lao động chết người; nâng cao hiệu quả mạng lưới an toàn viên, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm để xảy ra tai nạn.

- Điều hành hoàn thành kế hoạch SXKD ngày từ tháng, quý đầu năm; bám sát diễn biến sản xuất, kiểm tra nhằm hoàn thiện các khâu thiết kế công nghệ đảm bảo yêu cầu sản xuất kịp thời phát hiện các nguy cơ gây mất an toàn để có giải pháp khắc phục.

- Tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2020 một cách hợp lý, phù hợp với khả năng tài chính của Công ty tại từng thời điểm, trong đó tập trung vào các dự án trọng điểm: i) *Nâng cấp hệ thống an toàn trực tải giếng đứng*; ii) *Dự án đầu tư thiết bị chống giữ duy trì công suất lò chọ CGH đồng bộ công suất 600.000 tấn/năm*; iii) *Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án khai thác trữ bảo vệ mỏ Hà Lâm*; iv) *Các dự án mua sắm thiết bị phục vụ sản xuất*. Hoàn thành và phê duyệt Quyết toán hoàn thành Dự án đầu tư khai thác phần dưới mức -50 Mỏ than Hà Lâm – Công ty than Hà Lâm trước 30/6/2020.

- Đổi mới quản lý bảo vệ môi trường, huy động tối đa nguồn lực, sự vào cuộc của các tổ chức, đơn vị và người lao động cho công tác quản lý, bảo vệ môi trường; đưa công tác quản lý, bảo vệ môi trường vào trật tự, kỷ cương, ý thức bảo vệ chung và chung tay hành động vì môi trường của Công ty trở thành thói quen tốt của từng CBCNV. Tiếp tục duy trì hoạt động của trạm xử lý nước thải, hệ thống phun sương dập bụi.

- Tăng cường công tác khoán và quản trị chi phí, giá thành, thực hiện có hiệu quả chương trình hành động tiết kiệm, chống lãng phí bằng các giải pháp cụ thể và thiết thực trong tất cả các lĩnh vực, trên cơ sở tăng cường các giải pháp trong quản lý, điều hành, phân công, phân cấp, phát huy quyền tự chủ và trách nhiệm của mỗi cá nhân và của tập thể đơn vị. Quản lý điều hành sử dụng vật tư có hiệu quả. Chỉ đạo quyết liệt việc thực hiện các biện pháp thu hồi vật tư, thiết bị ở các đơn vị sản xuất để sử chữa phục hồi vật tư, thiết bị tái sản xuất, nâng cao hiệu quả quản lý tiết kiệm chi phí.

- Xây dựng phương án tiền lương theo quy định của TKV và phù hợp với tình hình đặc điểm của Công ty và quan tâm xây dựng cơ chế khuyến khích người lao động một cách hợp lý để giữ thợ lò và tuyển thợ lò.

- Phối hợp với các lực lượng trên địa bàn, quản lý bảo vệ khai trường ranh giới mỏ, tăng cường các biện pháp bảo vệ, vận chuyển than theo đúng quy chế đã ban hành; phát hiện và ngăn chặn kịp thời, không để hiện tượng khai thác than trái phép xảy ra trong ranh giới tài nguyên được giao quản lý.

- Ổn định việc làm và thu nhập cho CBCNV lao động, phấn đấu tăng năng suất lao động ít nhất 5% so với năm 2019; phấn đấu thu nhập bình quân năm 2020 đạt từ 15,2 triệu đồng/người/tháng trở lên. Tập trung ưu tiên khối sản xuất chính (đặc biệt là thợ lò); cân đối đảm bảo tỷ trọng tiền lương khu vực quản lý, phục vụ phụ trợ không vượt tỷ trọng do Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam giao khoán.

- Quan tâm chăm lo việc làm, điều kiện làm việc, đi lại cho người lao động; làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe, chủ động phòng chống dịch bệnh, kiểm tra môi trường lao động, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

### **Phần III**

## **ỦY QUYỀN VÀ ĐỀ XUẤT MỨC CỔ TỨC NĂM 2020**

### **1. Về ủy quyền điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2020:**

Đề nghị Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2020 khi điều kiện SXKD của Công ty có sự thay đổi hoặc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam điều chỉnh bổ sung (tăng hoặc giảm) chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch phối hợp kinh doanh, nhưng việc điều chỉnh kế hoạch của HĐQT phải đảm bảo lợi nhuận thực hiện không thấp hơn lợi nhuận kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua.

**2- Đề xuất mức cổ tức năm 2019.** Trên cơ sở kế hoạch SXKD năm 2020, HĐQT dự kiến kế hoạch cổ tức thanh toán năm 2020 từ 5 % - 6%/Vốn điều lệ.

Trên đây là báo cáo kết quả SXKD năm 2019, kế hoạch SXKD và đề xuất mức cổ tức năm 2020 của Công ty CP than Hà Lâm-Vinacomin.



**BÁO CÁO**  
**TÀI CHÍNH NĂM 2019 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty CP Than Hà Lâm - Vinacomin.

Công ty báo cáo ĐHCĐ về tóm tắt các số liệu chủ yếu của BCTC năm 2019 đã được Công ty TNHH PKF Việt Nam kiểm toán và phát hành kết quả tại báo cáo kiểm toán BCTC số: 65/2020/BCKT-PKF.VPC ngày 25/3/2020.

**Phần thứ nhất**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TÓM TẮT**

*Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

TT	TÀI SẢN	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<b>I</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>172.016.690.740</b>	<b>556.811.730.154</b>
1	- Tiền và các khoản tương đương tiền	2.845.548.066	1.515.891.410
2	- Các khoản Đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	- Các khoản phải thu ngắn hạn	15.177.968.953	411.114.351.064
4	- Hàng tồn kho	119.124.877.542	118.858.260.855
5	- Tài sản ngắn hạn khác	34.868.296.179	25.323.226.825
<b>II</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>3.076.640.912.301</b>	<b>3.378.037.178.846</b>
1	- Các khoản phải thu dài hạn	36.293.763.400	32.702.689.405
2	- Tài sản cố định	2.661.291.142.778	2.988.038.069.662
3	- Tài sản dở dang dài hạn	4.999.246.043	2.240.569.497
4	- Tài sản dài hạn khác	374.056.760.080	355.055.850.282
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>3.248.657.603.041</b>	<b>3.934.848.909.000</b>
<b>III</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>2.955.445.956.143</b>	<b>3.608.582.281.726</b>
1	- Nợ ngắn hạn	829.835.099.775	897.652.305.464
2	- Nợ dài hạn	2.125.610.856.368	2.710.929.976.262
<b>IV</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>293.211.646.898</b>	<b>326.266.627.274</b>
1	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>293.211.646.898</b>	<b>326.266.627.274</b>
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	254.151.990.000	254.151.990.000
	- Thặng dư vốn cổ phần		
	- Vốn khác của chủ sở hữu		
	- Quỹ đầu tư phát triển	18.900.919.202	18.900.919.202
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	20.158.737.696	53.213.718.072



TT	TÀI SẢN	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
2	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		
	- Nguồn kinh phí sự nghiệp		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>3.248.657.603.041</b>	<b>3.934.848.909.000</b>

**Phần thứ hai**  
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1- Doanh thu bán hàng và CC DV	3.155.001.951.029	3.150.769.231.563
2- Các khoản giảm trừ doanh thu		
3- Doanh thu thuần ( 10 = 01-02)	3.155.001.951.029	3.150.769.231.563
4- Giá vốn hàng bán	2.675.052.431.147	2.626.276.142.826
5- Lợi nhuận gộp (20=10-11)	479.949.519.882	524.493.088.737
6- Doanh thu hoạt động tài chính	953.287.855	1.004.560.429
7- Chi phí tài chính	251.430.429.994	289.229.319.946
- Trong đó: Chi phí lãi vay	251.426.801.440	289.229.319.946
8- Chi phí bán hàng	30.226.987.116	52.279.827.711
9- Chi phí quản lý doanh nghiệp	107.760.628.208	117.426.908.667
10- LN thuần từ HĐKD (30=20+21-22-24-25)	91.484.762.419	66.561.592.842
11- Thu nhập khác	513.329.562	689.276.348
12- Chi phí khác	12.650.420.918	598.370.647
13- Lợi nhuận khác (40=31-32)	-12.137.091.356	90.905.701
14- Tổng LN kế toán trước thuế (50=30+40)	79.347.671.063	66.652.498.543
15- Chi phí thuế TNDN hiện hành	59.188.933.367	13.438.780.471
16- Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
17- Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	20.158.737.696	53.213.718.072
18- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	600	700

**Phần thứ ba**  
**CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN**

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
1	<b>Cơ cấu tài sản</b>		
	- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản (%)	95	86

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
	- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản (%)	5	14
<b>2</b>	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>		
	- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn (%)	91	92
	- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn (%)	9	8
<b>3</b>	<b>Khả năng thanh toán (lần)</b>		
	- Khả năng thanh toán hiện thời	0.21	0.62
	- Khả năng thanh toán nhanh	0.63	0.48
<b>4</b>	<b>Tỷ suất lợi nhuận (%)</b>		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	0.63	1.68
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	0.62	1.35
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn CSH	6.88	16.31
<b>5</b>	<b>Hệ số nợ /Vốn chủ sở hữu (lần)</b>	10.01	11.02

Hội đồng quản trị Công ty CP Than Hà Lâm báo cáo đại hội./.

*Tran Minh*





**TỜ TRÌNH**  
**Về việc phân phối lợi nhuận năm 2019**

Kính gửi: Quý cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2014;  
Căn cứ Điều lệ Công ty;  
Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty CP than Hà Lâm-Vinacomin năm 2019 và kết quả SXKD năm 2019;  
Hội đồng quản trị đề xuất phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

TT	Nội dung	Số tiền (Tr.đ)
<b>I</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>79.348</b>
1	Trích nộp thuế TNDN	59.189
<b>II</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>20.159</b>
1	Chia cổ tức: 6% vốn điều lệ	15.249
2	Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích nội dung (1)	4.910
2.1	Trích quỹ đầu tư phát triển: 0%	0
2.2	Quỹ thưởng viên chức quản lý ( $\leq 1,5$ tháng lương thực hiện của viên chức quản lý năm 2019)	476
2.3	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ( $\leq 3$ tháng lương thực hiện của Công ty năm 2019)	4.434
-	<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận thông qua./.

*trawtel*

**BÁO CÁO**  
**Về việc chi trả tiền lương, thù lao**  
**của HĐQT, BKS, Người quản lý Công ty năm 2019 và dự kiến năm 2020**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2014  
Căn cứ Điều lệ Công ty CP Than Hà Lâm-Vinacomin;  
Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2019;  
Căn cứ kết quả SXKD và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT,  
thành viên BKS và viên chức quản lý Công ty;

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo việc thực hiện chi trả tiền lương và thù lao cho HĐQT, BKS và các viên chức quản lý như sau:

**1. Mức tiền lương, thù lao HĐQT, BKS, Ban Giám đốc, kế toán trưởng Công ty năm 2019:**

Mức chi trả như sau:

*DVT: Triệu đồng*

STT	Chức danh	Số người	Tổng số	Trong đó		Ghi chú
				Lương	Thù lao	
1	Hội đồng Quản trị	5	285,6	0	285,6	Kiểm nhiệm
2	Trưởng BKS	1	68,9	68,9	0	Chuyên trách, thôi giữ chức vụ 24/4/2019 (ông Bùi Hữu Đăng)
3	Trưởng BKS kiêm nhiệm		36,8	0	36,8	Kiểm nhiệm từ tháng 5/2019
4	Thành viên BKS	2	110,4	0	110,4	Kiểm nhiệm
5	Người quản lý (BGD và Kế toán trưởng)	7	2914,2	2 914,2	0	03 (Giám đốc và 2 phó giám đốc) kiêm thành viên HĐQT
	<b>Tổng cộng</b>		<b>2 415,9</b>	<b>2 983,1</b>	<b>432,8</b>	

**2. Đề xuất mức tiền lương các cán bộ quản lý và thù lao HĐQT, BKS năm 2020:**

Căn cứ Điều 6, Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện nghị định số 53/2016/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1387/QĐ-TKV ngày 29/7/2019 của Tổng Giám đốc Tập đoàn TKV "V/v ban hành Hướng dẫn cơ chế trả lương áp dụng trong TKV".

Căn cứ công văn số 1402/TKV-TCNS ngày 03/4/2017 của Tổng Giám đốc Tập đoàn về việc "Hướng dẫn bổ sung một số nội dung về quản lý lao động và tiền lương của TKV". Theo đó mức tiền thù lao cho thành viên HĐQT, BKS kiêm nhiệm sẽ được

quyết toán và hưởng tối đa bằng 20% mức tiền lương bình quân kế hoạch của chức danh quản lý chuyên trách.

Căn cứ công văn số 6326/TKV-KH ngày 23/12/2019 của TKV “V/v thông báo các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch PHKD năm 2020”;

Hội đồng quản trị Công ty đề xuất mức tiền lương kế hoạch và quỹ tiền lương kế hoạch năm 2020 của các chức danh Người quản lý Công ty và tiền thù lao cho HĐQT, BKS năm 2020 của Công ty như sau:

(i) Thù lao của các thành viên HĐQT và BKS kiêm nhiệm chức vụ năm 2020

TT	Chức danh	Mức lương để tính thù lao (đ/người/tháng)	Mức thù lao (đồng/người/tháng)
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4 = 3 x 20%</i>
1	Chủ tịch HĐQT	27 000 000	5 400 000
2	Thành viên HĐQT	23 000 000	4 600 000
3	Trưởng BKS	23 000 000	4 600 000
4	Thành viên BKS	23 000 000	4 600 000

(ii) Mức Tiền lương của Người quản lý Công ty năm 2020

TT	Chức danh	Số người	Tiền lương giao khoán 1 tháng theo QD1387 (1000đ)	Tiền lương bình quân 1 tháng KH năm 2020 (1000đ/ng-tháng)	Tiền lương kế hoạch 1 tháng năm 2020 (1000đ)	Quỹ lương KH năm 2020 (1000đ)
1	Giám đốc	1	26 000	39 000	39 000	468 000
2	Phó giám đốc	5	23 000	34 500	172 500	2 070 000
3	Kế toán trưởng	1	21 000	31 500	31 500	378 000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>7</b>			<b>243 000</b>	<b>2 916 000</b>

(iii) Tổng mức tiền lương và thù lao Công ty sẽ trả cho các thành viên HĐQT, BKS kiêm nhiệm chức vụ và lương của Người quản lý Công ty, năm 2020 như sau:

TT	Chức danh quản lý	Số người	Tiền thù lao (Tr.đ /năm)	Tiền lương (Tr.đ/năm)
1	Chủ tịch HĐQT	01	64,8	0
2	Thành viên HĐQT	04	220,8	0
3	Trưởng BKS kiêm nhiệm	01	55,2	0
4	Thành viên BKS kiêm nhiệm	02	110,4	0
5	Giám đốc	01		468
6	Phó giám đốc	05		2 070
7	Kế toán trưởng	01		378
	<b>Tổng cộng</b>		<b>451,2</b>	<b>2 916</b>

**Phương thức chi trả thù lao và tiền lương**

Hàng quý hoặc 6 tháng các thành viên HĐQT, BKS, Công ty được tạm ứng 80% mức thù lao; hàng tháng các cán bộ quản lý được tạm ứng 80% tiền lương của tháng đó; Số tiền thù lao và tiền lương còn lại được quyết toán vào cuối năm trên cơ sở kết quả SXKD của Công ty và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các thành viên HĐQT, BKS và cán bộ quản lý Công ty.

HĐQT đề nghị Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết thông qua./.

(Kèm phụ biểu)



010  
NG  
PH  
HÀ  
CO  
T. a

CÔNG TY CP THAN HÀ LÂM - VINACOMIN

**THỰC HIỆN TIỀN THÙ LAO CHO HĐQT, BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY NĂM 2019**

STT	Họ và tên	Chức danh	Mức lương 1 tháng (đ/tháng)	Tỷ lệ thù lao 1 tháng (%)	Mức thù lao 1 tháng (đ/tháng)	Số tháng hưởng thù lao	Tổng số tiền thù lao năm (đồng)	Đã tạm ứng 80% (đồng)	Còn lại 20% (đồng)
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>C</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3=1x2</b>	<b>4</b>	<b>5=3x4</b>	<b>6=5x80%</b>	<b>7=5-6</b>
1	Nguyễn Trọng Tốt	Chủ tịch HĐQT	27 000 000	20%	5 400 000	12	64 800 000	51 840 000	12 960 000
2	Phạm Công Hương	Thành viên HĐQT	23 000 000	20%	4 600 000	12	55 200 000	44 160 000	11 040 000
3	Trần Mạnh Cường	Thành viên HĐQT	23 000 000	20%	4 600 000	12	55 200 000	44 160 000	11 040 000
4	Trương Ngọc Linh	Thành viên HĐQT	23 000 000	20%	4 600 000	12	55 200 000	44 160 000	11 040 000
5	Vũ Ngọc Thắng	Thành viên HĐQT	23 000 000	20%	4 600 000	12	55 200 000	44 160 000	11 040 000
6	Nguyễn Văn Tấn	Trưởng ban kiểm soát	23 000 000	20%	4 600 000	8	36 800 000	29 440 000	7 360 000
7	Trịnh Xuân Khoa	Thành viên ban kiểm soát	23 000 000	20%	4 600 000	12	55 200 000	44 160 000	11 040 000
8	Trần Thị Ngạn	Thành viên ban kiểm soát	23 000 000	20%	4 600 000	12	55 200 000	44 160 000	11 040 000
	<b>Tổng số</b>						<b>432 800 000</b>	<b>346 240 000</b>	<b>86 560 000</b>

*Ghi chú: Mức lương tháng theo quyết định số 1387/QĐ-TKV ngày 29/7/2019*

*Mức thù lao tháng theo thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016*

CÔNG TY CP THAN HÀ LÂM - VINACOMIN

**THỰC HIỆN TIỀN LƯƠNG NGƯỜI QUẢN LÝ NĂM 2019**

STT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương năm 2019 được quyết toán (đồng)	Số tháng hưởng	Tiền lương bình quân (đồng/tháng)	Ghi chú
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>C</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3=1/2</b>	
1	Trần Mạnh Cường	Giám đốc	467 706 030	12	38 975 503	
2	Trương Ngọc Linh	Phó giám đốc	413 739 950	12	34 478 329	
3	Vũ Ngọc Thăng	Phó giám đốc	413 739 950	12	34 478 329	
4	Đinh Trung Kiên	Phó giám đốc	413 739 950	12	34 478 329	
5	Cao Việt Phương	Phó giám đốc	413 739 950	12	34 478 329	
6	Nguyễn Văn Sơn	Phó giám đốc	413 739 950	12	34 478 329	
7	Vũ Thị Minh Thanh	Kế toán trưởng	377 762 562	12	31 480 214	
8	Bùi Hữu Đăng	Trưởng ban kiểm soát	68 956 658	2	34 478 329	
	<b>Tổng số</b>		<b>2 983 125 000</b>			



CÔNG TY CP THAN HÀ LÂM - VINACOMIN

**KẾ HOẠCH TIỀN LƯƠNG NGƯỜI QUẢN LÝ NĂM 2020**

STT	Họ và tên	Chức danh	Mức lương 1 tháng theo quyết định 1387/QĐ-TKV ngày 29/7/2019 (đ/tháng)	Hệ số điều chỉnh theo công văn số 6326/TKV-KH ngày 23/12/2019	Mức lương 1 tháng theo công văn số 6326/TKV-KH ngày 23/12/2019 (đ/tháng)	Số tháng hưởng	Tổng số tiền lương năm (đồng)	Ghi chú
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>C</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3=1x2</b>	<b>4</b>	<b>5=3x4</b>	
1	Trần Mạnh Cường	Giám đốc	26 000 000	1.5	39 000 000	12	468 000 000	
2	Trương Ngọc Linh	Phó giám đốc	23 000 000	1.5	34 500 000	12	414 000 000	
3	Vũ Ngọc Thắng	Phó giám đốc	23 000 000	1.5	34 500 000	12	414 000 000	
4	Đình Trung Kiên	Phó giám đốc	23 000 000	1.5	34 500 000	12	414 000 000	
5	Cao Việt Phương	Phó giám đốc	23 000 000	1.5	34 500 000	12	414 000 000	
6	Nguyễn Văn Sơn	Phó giám đốc	23 000 000	1.5	34 500 000	12	414 000 000	
7	Vũ Thị Minh Thanh	Kế toán trưởng	21 000 000	1.5	31 500 000	12	378 000 000	
	<b>Tổng số</b>						<b>2 916 000 000</b>	

**BÁO CÁO**  
**Về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị**  
**và từng thành viên HĐQT năm 2019, phương hướng hoạt động năm 2020**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin;

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên (sau đây viết tắt là Đại hội) năm 2020 về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và thành viên HĐQT năm 2019 như sau:

**Phần 1**  
**VỀ QUẢN TRỊ**

**I. QUẢN TRỊ CƠ CẤU VÀ HOẠT ĐỘNG CHUNG CỦA HĐQT.**

**1. Quản trị về cơ cấu tổ chức quản lý**

Hiện nay, Công ty thực hiện cơ cấu tổ chức: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) và Giám đốc điều hành theo điểm a- Khoản 1- Điều 134- Luật Doanh nghiệp năm 2014.

(i) Về số lượng thành viên HĐQT: Trong năm 2019, Công ty không có biến động về nhân sự của HĐQT. Do đó, HĐQT duy trì đủ cơ cấu 05 thành viên HĐQT, gồm.

- |   |                  |  |
|---|------------------|--|
| 1 | Nguyễn Trọng Tốt | Chủ tịch HĐQT - Người đại diện phần vốn của Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam (TKV) |
| 2 | Phạm Công Hương  | Thành viên HĐQT - Trưởng ban TKV   |
| 3 | Trần Mạnh Cường  | Thành viên HĐQT - Giám đốc điều hành   |
| 4 | Trương Ngọc Linh | Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc   |
| 5 | Vũ Ngọc Thắng    | Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc   |

Trong 05 thành viên HĐQT nêu trên, có 03 thành viên kiêm nhiệm chức vụ điều hành của Công ty; 02 là thành viên HĐQT không điều hành, nên đảm bảo tính cơ cấu.

(ii) Về BKS: Tại Đại hội năm 2019, Đại hội đã miễn nhiệm 01 thành viên và bầu bổ sung 01 thành viên. Vì vậy, BKS duy trì đủ cơ cấu 03 thành viên.

(iii) Về điều hành: có 01 Giám đốc điều hành.

Như vậy, cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty đảm bảo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Điều lệ Công ty.

**2. Quản trị về hoạt động chung của HĐQT**

Để HĐQT thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và có cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng thành viên, ngày 08/5/2018 Chủ tịch HĐQT ban hành Quyết định số 55/QĐ-HĐQT để phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT phụ trách từng lĩnh vực phù hợp với trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực và kinh nghiệm của từng thành viên. Đồng thời, Chủ tịch HĐQT xây dựng chương trình, kế hoạch số 14/CTr-HĐQT, ngày 29/01/2019 để thực hiện nhiệm, làm cơ sở cho



việc tổ chức việc thực hiện chức năng giám sát của HĐQT đối với Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

### **3. Quản trị Công ty thông qua hệ thống quy chế**

Đề quản lý Công ty trên các mặt hoạt động cho phù hợp với quy định của pháp luật, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) và phù hợp với yêu cầu quản lý từng thời kỳ, năm 2019 HĐQT đã ban hành 04 quy chế gồm: Quy chế Quản lý Công tác vật tư; Khoán chi phí phân xưởng; quản lý tiền lương và phân phối thu nhập; quản lý quỹ khen thưởng và phúc lợi. Ngoài ra, Công ty đang áp dụng 16 quy chế của HĐQT đã ban hành các năm trước để quản lý Công ty.

## **Phần II**

### **TỔ CHỨC HỌP HĐQT VÀ THỦ LAO, TIỀN LƯƠNG**

#### **I. TỔ CHỨC HỌP HĐQT**

**1. Về số lượng phiên họp:** Năm 2019, HĐQT tổ chức 16 Phiên họp, ban hành 16 Nghị quyết, 40 quyết định phê duyệt, thông qua những nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT, trong đó có các vấn đề cơ bản sau:

- Phê chuẩn bổ nhiệm lại cán bộ cấp phòng; thông qua công tác cán bộ cấp công trường, phân xưởng và nâng bậc lương cho cán bộ quản lý.

- Phê duyệt ban hành 04 quy chế

- Thông qua và phê duyệt: Định mức vật tư chủ yếu năm 2019; hệ thống thang, bảng lương; Quỹ tiền lương thực hiện năm 2018; Nhu cầu vốn lưu động và hệ số tài chính năm 2019; Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2019; điều chỉnh thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: 01 gói thầu; phê duyệt KHLC nhà thầu: 27 gói thầu; phê duyệt KH thuê ngoài; Hợp nhất 02 phân xưởng Sàng tuyển.

Trước các cuộc họp HĐQT đều gửi trước tài liệu cho các thành viên HĐQT, BKS. Đồng thời, mời các thành viên BKS dự họp và các phòng, ban liên quan cùng tham dự để làm rõ những nội dung HĐQT quan tâm trước khi biểu quyết thông qua hoặc phê duyệt.

Việc tổ chức họp HĐQT kịp thời, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo Điều lệ Công ty. Nội dung họp HĐQT đều thuộc thẩm quyền của HĐQT. Việc thảo luận, thông qua hoặc phê duyệt các nội dung đảm bảo dân chủ, minh bạch đúng pháp luật và Điều lệ Công ty, các thành viên HĐQT thống nhất cao (100%) tán thành thông qua, phê duyệt làm cơ sở để Giám đốc triển khai thực hiện và giám sát việc thực hiện của HĐQT.

*(Nội dung các Nghị quyết HĐQT đã phản ánh tại Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2019 và đăng tải trên Website của Công ty [halamcoal.com.vn](http://halamcoal.com.vn) và CBTT trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội)*

#### **2. Tỷ lệ số thành viên HĐQT dự họp năm 2019**

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ (%)	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Trọng Tốt	Chủ tịch HĐQT	16	100	
2	Phạm Công Hương	TV. HĐQT	16	100	
3	Trần Mạnh Cường	TV. HĐQT	14	87,50	Đi nước ngoài
4	Trương Ngọc Linh	TV. HĐQT	16	100	
5	Vũ Ngọc Thắng	TV. HĐQT	16	100	

### 3. Thù lao và tiền lương:

(i) Thù lao: Thù lao năm 2019, Công ty thực hiện theo mức và tạm chi theo đúng Nghị quyết đại hội năm 2019 theo 2 mức sau.

- Thù lao 1 tháng của thành viên giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT:

$$27.000.000 \text{ đ} \times 20\% = 5.400.000 \text{ đ}$$

- Thù lao 1 tháng của từng thành viên HĐQT:

$$23.000.000 \text{ đ} \times 20\% = 4.600.000 \text{ đ.}$$

Năm 2019, Công ty thực hiện tạm ứng 80% số tiền thù lao cho các thành viên, còn 20% chi sang năm 2020 trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng thành viên.

(ii) Tiền lương: Các thành viên HĐQT của Công ty đều giữ chức vụ kiêm nhiệm, Do đó, Công ty không chi trả tiền lương giữ chức vụ thành viên HĐQT mà chỉ thù lao kiêm nhiệm theo quy định.

## Phần III HOẠT ĐỘNG PHỐI HỢP CỦA HĐQT

Trong quá trình hoạt động, HĐQT thường xuyên duy trì có hiệu quả mối quan hệ phối hợp lãnh đạo giữa HĐQT với Đảng ủy, Giám đốc theo Nghị quyết liên tịch.

Năm 2019, HĐQT họp 16 phiên. Các phiên họp đều có đại diện của BKS tham gia họp. Trong hoạt động phối hợp, các bên vẫn đảm bảo đúng vị trí, vai trò và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các bên theo quy định của pháp luật, điều lệ và các quy định của tổ chức đó.

## Phần IV HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN GIÁM ĐỐC

### I. Giám sát thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019

#### I. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật chủ yếu.

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KH NĂM 2019	KH NĂM 2019 ĐIỀU CHỈNH	THỰC HIỆN NĂM 2019	SO SÁNH %	
						TH/KH	TH/KHĐC
A	B	C	1	2	3	4=3/1	5=3/2
1	Than nguyên khai khai thác	Tấn	3 150 000	3 265 000	3 270 468	103,82	100,17
	- Than lộ thiên	"	750 000	965 000	965 591	128,75	100,06
	- Than hầm lò	"	2 400 000	2 300 000	2 304 877	96,04	100,21
2	Đất bóc CBSX	1000 m <sup>3</sup>	1 430	2 500	2 501	174,89	100,04
3	Đào lò CBSX	m	9 500	9 100	9 152	96,34	100,57
4	Than tiêu thụ	Tấn	3 005 000	3 120 000	3 165 420	105,33	101,45
5	Doanh thu than	Tr.đồng	2 973 677	3 117 638	3 136 722	105,48	100,61
6	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	43.048	62.722	79.348	184,3	126,5
7	Lợi nhuận sau thuế *	Tr. đồng			20.159		

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KH NĂM 2019	KH NĂM 2019 ĐIỀU CHỈNH	THỰC HIỆN NĂM 2019	SO SÁNH %	
						TH/KH	TH/ KHDC
8	Lao động bình quân	Người	3 145	3 145	3 100	98,57	98,57
9	Tiền lương bình quân/người/tháng	1000đ	13 540	13 540	13 935	102,91	102,91

\* Lợi nhuận sau thuế đã tính nộp thuế TNDN của phần chi phí lãi vay vượt quy định theo Nghị định 20/2017 ngày 24/12/2017 của Chính phủ

## 2. Các chỉ tiêu về bảo toàn và phát triển nguồn vốn của Công ty.

Trong hoạt động điều hành các chỉ tiêu tài chính, Ban giám đốc cân đối, thu xếp tài chính hợp lý trong đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản, cân đối nguồn vay, trả...nên trong năm 2019 không có nợ quá hạn, nợ khó đòi, lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch, bảo toàn vốn, các hệ số tài chính đều trong giới hạn an toàn về tài chính.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính năm 2019 như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	Kế hoạch 2019 (%)	TH/KH 2019	Tỷ lệ so với cùng kỳ (%)
1	2	3	4	5	6	7=6-5	8=5/4
1	Tổng tài sản	Tr.đ	3.934.848	3.248.657			82.56
	- Tài sản ngắn hạn	Tr.đ	556.811	172.016			30.89
	- Tài sản dài hạn	Tr.đ	3.378.037	3.076.640			91.07
2	Tổng nguồn vốn	Tr.đ	3.934.848	3.248.657			82.56
	- Nợ phải trả	Tr.đ	3.608.582	2.955.445			81.9
	- Vốn chủ sở hữu	Tr.đ	326.266	293.211			89.86
3	Khả năng thanh toán nợ	Lần	0,62	0,21	0,65	- 0,44	33.87
4	Hệ số nợ phải trả/Vốn CSH	Lần	11.02	10,01	10,98	+ 0,97	90.83
5	Mức độ bảo toàn vốn	Lần	1,03	1			
6	Nộp ngân sách nhà nước	Tr.đ	679.072	815.754			120.12

## 3. Đánh giá chung về kết quả SXKD

Trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh (SXKD) nêu trên, Công ty đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch đã được Đại hội năm 2019 thông qua.

## 4. Tổ chức SXKD và quản trị nhân lực và trả lương cho người lao động

(i) Sáp nhập 02 phân xưởng thành phân xưởng Sản xuất chế biến. Kết thúc năm 2019 cơ cấu tổ chức của Công ty còn: 15 phòng, 01 ban, 01 Trạm y tế, 21 công trường, phân xưởng và Nhà nghỉ Sao Biển.

(i) Về giảm biên chế: Tính đến hết 31/12/2019 tổng số lao động của Công ty là 3056 người. Như vậy, tổng số lao động của công ty đã giảm 129 người.

(iii) Trả lương cho người lao động: Thực hiện đúng Quy chế thanh toán tiền lương và phân phối thu nhập cho người lao động và Hệ thống thanh, bảng lương của Công ty đã được HĐQT phê duyệt.

## **5. Công tác đầu tư xây dựng**

Trong năm 2019 Công ty thực hiện kế hoạch đầu tư được 132.228/110.317 triệu đồng, đạt 83% kế hoạch, trong đó bao gồm các dự án thực hiện chuyển tiếp, các dự án khởi công mới.

Hoạt động đầu tư thực hiện đúng quy định của pháp luật về luật chuyên ngành và pháp luật về đấu thầu, quy chế Đầu tư xây dựng của Công ty. Quá trình thực hiện, Công ty đã lựa chọn nhà thầu theo đúng kế hoạch đã được HĐQT phê duyệt. Do đó, các công trình trọng điểm được thực hiện đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, đưa vào sử dụng, góp phần tích cực vào kết quả SXKD của Công ty.

## **6. Về thanh toán cổ tức và Công bố thông tin.**

(i) Thanh toán cổ tức: Năm 2019, Công ty thực hiện thanh toán cổ tức năm 2018 cho các cổ đông theo đúng mức đã được Đại hội năm 2019 thông qua và đảm bảo trong thời hạn luật định.

(ii) Công bố thông tin: Công ty là Công ty đại chúng quy mô lớn, có cổ phần niêm yết. Vì vậy, Người đại diện theo pháp luật của Công ty đã ủy quyền cho 01 người thực hiện CBTT theo Thông tư 155/2015/TT-BTC của Bộ tài chính và Nghị định số 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ để các cổ đông tiếp cận kịp thời.

## **7. Các mặt hoạt động khác**

Ngoài các nội dung nêu trên, Công ty thực hiện tốt công tác AT-BHLĐ; phối kết hợp với chính quyền địa phương và các lực lượng đóng trên địa bàn tham gia bảo vệ ranh giới mỏ, bảo vệ tài nguyên, tài sản...thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với người lao động theo quy định của pháp luật, Thỏa ước lao động tập thể ...góp phần giữ vững an ninh trật tự doanh nghiệp, góp phần tích cực vào kết quả SXKD của Công ty.

## **Phần III**

### **ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, THÀNH VIÊN HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

#### **I. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ THÀNH VIÊN HĐQT.**

##### **1. Đánh giá chung về hoạt động của HĐQT.**

Năm 2019, HĐQT đã thường xuyên bám sát kế hoạch SXKD. Đồng thời, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo thẩm quyền được quy định trong Điều lệ và Luật Doanh nghiệp để tổ chức chỉ đạo các cán bộ quản lý khác thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức một số chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch SXKD đã được Đại hội năm 2019 biểu quyết thông qua.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, HĐQT tăng cường các hoạt động giám sát, nhằm đảm bảo Nghị quyết của Đại hội 2019; Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thực hiện theo đúng nội dung và tiến độ hoặc cùng Giám đốc điều hành giải quyết những trở ngại phát sinh góp phần không gây ách tắc cho hoạt động SXKD của Công ty.

Trên cơ sở kế hoạch năm 2019 đã được đại hội thông qua, kết quả thực hiện KHSXKD năm 2019 và kết quả trên các mặt hoạt động của HĐQT, HĐQT tự đánh giá đã hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2019.

##### **2. Đánh giá kết quả hoạt động của từng thành viên HĐQT**

Trên cơ sở kết quả hoạt động chung của HĐQT, kết quả SXKD năm 2019, Quy chế quản lý cán bộ và kết quả hoạt động của từng thành viên HĐQT được phân công tại Quyết định số 55/QĐ-HĐQT, ngày 08/5/2018. Tại cuộc họp nhận xét đánh giá cán bộ

năm 2019 đã đánh giá Chủ tịch và 03 thành viên HĐQT Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 01 thành viên hoàn thành nhiệm vụ.

## **II. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG.**

### **1. Đánh giá hoạt động của Giám đốc:**

Ban Giám đốc của Công ty gồm 6 người. 01 Giám đốc, 05 phó Giám đốc.

Trên cơ sở kết quả giám sát, HĐQT đánh giá chung như sau:

(i) Đối với Giám đốc: Việc tổ chức điều hành của Ban Giám đốc thực hiện đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ; bám sát Nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết, quyết định của HĐQT; phân công nhiệm vụ cụ thể cho phó Giám đốc phụ trách từng lĩnh vực cụ thể; xây dựng kế hoạch điều hành và đề ra các giải pháp thực hiện; phân công nhiệm vụ chức năng nhiệm vụ cho các phòng, ban tham mưu, tăng cường kiểm tra việc thực hiện.

Trong sản xuất, Giám đốc đề ra các biện pháp điều hành hợp lý và phù hợp với tình hình, đặc điểm tại từng thời điểm. Chủ động giải quyết, xử lý những phát sinh gây trở ngại cho việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh (KHSXKD), đầu tư xây dựng; phát huy năng lực của thiết bị cơ giới hóa trong khai thác, đào lò; khuyến khích tăng năng suất lao động, hạ giá thành; tổ chức sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; tăng cường quản trị chi phí, quản trị tài nguyên...và phòng ngừa rủi ro cho doanh nghiệp, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng ủy, HĐQT, BKS và các tổ chức trong công ty tạo nên sự đồng thuận, đoàn kết.

Trong quá trình chỉ đạo, điều hành, Giám đốc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, các nghị quyết, quyết định của HĐQT, tăng cường quản lý Công ty trên các mặt nên năm 2019 đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức một số chỉ tiêu chủ yếu của KHSXKD đã được ĐHĐCĐTN năm 2019 thông qua.

(ii) Đánh giá kết quả hoạt động của các phó Giám đốc: Các Phó Giám đốc thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo từng lĩnh vực được Giám đốc phân công. Quá trình thực hiện chủ động xử lý tình huống phát sinh một cách phù hợp, hiệu quả và có sự phối kết hợp giữa các phó giám đốc phụ trách, nên hoạt động điều hành của toàn Công ty thông suốt, không ách tắc.

(iii) Đánh giá hoạt động của Kế toán trưởng: Kế toán trưởng thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Luật Kế toán; Năm 2019 Kế toán trưởng đã thực hiện quản lý tài chính, hạch toán chi phí sản xuất, chi phí đầu tư XD CB và các chế độ thu, chi khác kịp thời, đúng chế độ; đúng đối tượng; bám sát kế hoạch SXKD và KH đầu tư để tham mưu thu xếp, huy động hợp lý nguồn vốn phục vụ các mặt hoạt động của Công ty. Lập Báo cáo tài chính năm 2019 kịp thời, đảm bảo tính chính xác về nội dung và số liệu; sau kiểm toán không có khoản nào bị ngoại trừ.

**3. Đánh giá chung kết quả giám sát các bộ quản lý của Công ty:** Trên cơ sở đánh giá kết quả hoạt động của Giám đốc, các phó giám đốc, kế toán trưởng như đã nêu trên, căn cứ quy chế quản lý cán bộ và kết quả SXKD năm 2019 của Công ty, tại cuộc họp nhận xét đánh giá, phân loại cán bộ năm 2019 của Công ty đã đánh giá, phân loại như sau: Giám đốc và 04 Phó Giám đốc Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 01 Phó Giám đốc Hoàn thành nhiệm vụ; Kế toán trưởng Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2019.

## **Phần IV**

### **PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2020 CỦA HĐQT**

1. Thực hiện đúng chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đối với doanh nghiệp cổ phần do Nhà nước nắm cổ phần chi phối. Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT được quy định tại Luật Doanh nghiệp và các văn bản khác có liên quan.

2. Tổ chức thực hiện các nội dung đã được ĐHĐCĐTN năm 2020 thông qua.

3. Tăng cường giám sát hoạt động của Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng trong việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐTN năm 2020, các Nghị quyết, quyết định của HĐQT đã ban hành; thực hiện giám sát chuyên đề trong việc thực hiện, chức năng, nhiệm vụ của Ban Giám đốc, kế toán trưởng

4. Tiếp tục duy trì và tăng cường mối quan hệ phối hợp lãnh đạo giữa Đảng ủy, HĐQT và Giám đốc điều hành, để tạo sự đồng thuận vì lợi ích Công ty, lợi ích của cổ đông trên các mặt hoạt động của Công ty.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi thấy cần thiết.

Trên đây là nội dung báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị năm 2019 và phương hướng hoạt động năm 2020./.

*(Kèm theo báo cáo này là biểu tổng hợp nội dung các Nghị quyết họp HĐQT năm 2019)*

### **TỔNG HỢP** **Nội dung các phiên họp HĐQT năm 2019**

TT	Số Nghị quyết	Ngày họp	Nội dung
1	14/K3/NQ-HĐQT	19/01/2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ nhiệm ông Trần Văn Sang - Quyền Trưởng Phòng Bảo vệ Quân sự giữ chức vụ Trưởng phòng Bảo vệ Quân sự (BQ), thời hạn giữ chức vụ là 03 năm, kể từ ngày 01/02/2019.</li> <li>- Bổ nhiệm ông Trịnh Xuân Khoa- Quyền Trưởng Phòng Kế hoạch giữ chức vụ Trưởng Phòng Kế hoạch (KH), thời hạn giữ chức vụ là 03 năm, kể từ ngày 01/02/2019</li> <li>- Phê duyệt Quy chế khoán chi phí sản xuất và thanh toán thu nhập cho các công trường, phân xưởng của Công ty CP than Hà Lâm -Vinacomin sau khi hoàn thiện theo ý kiến chỉ đạo HĐQT.</li> <li>- Phê duyệt Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2019.</li> <li>- Phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2019:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Về kế hoạch SXKD (một số chỉ tiêu chủ yếu) trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 để xét thông qua.</li> <li>+ Về một số kế hoạch thuê ngoài năm 2019.</li> <li>+ Về sửa chữa TSCĐ.</li> </ul> </li> <li>- Phê duyệt định mức vật tư và các chỉ tiêu chủ yếu..</li> <li>- Phê duyệt mức NSLĐ, hệ số giãn cách tiền lương giao khoán cho một số công việc chủ yếu năm 2019 <i>(chi tiết tại các phụ biểu kèm theo Tờ trình)</i>. Ủy quyền cho Giám đốc điều hành điều chỉnh mức NSLĐ, hệ số giãn cách tiền lương giao khoán cho một số công việc chủ yếu năm 2019 khi điều kiện thay đổi, nhưng phải phù hợp với quy định của TKV.</li> <li>- Triển khai một số công tác quản lý trong công ty</li> </ul>

TT	Số Nghị quyết	Ngày họp	Nội dung
			(Rà soát quy chế quản lý; Việc phân phối lợi nhuận, trích lập quỹ 2018; Công tác bảo vệ ANTT dịp nghỉ Tết nguyên đán Kỷ Hợi 2019...):
2	15/K3/NQ-HĐQT	20/01/2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phê duyệt Hệ thống thang lương, bảng lương và các chế độ phụ cấp lương - Công ty CP Than Hà Lâm-Vinacomin, áp dụng từ ngày 01/01/2019.</li> <li>- Phê duyệt điều chỉnh thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu Tư vấn kiểm toán dự án đầu tư Hệ thống sinh khí Nitơ - Công ty CP than Hà lâm -Vinacomin từ Quý III/2018 sang Quý I/2019.</li> <li>- Phê duyệt nhu cầu vốn lưu động và một số chỉ tiêu tài chính năm 2019 gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Định mức vốn lưu động: 182.000 Tr.đ.</li> <li>+ Khả năng thanh toán nợ đến hạn: 0,65 lần.</li> <li>+ Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu: 10,98 lần.</li> </ul> </li> </ul>
3	16/K3/NQ-HĐQT	19/02/2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho ông Bùi Hữu Đăng - số thẻ 18868 hưởng chế độ hưu trí kể từ ngày 01/3/2019. Còn việc miễn nhiệm thành viên BKS đối với ông Bùi Hữu Đăng thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ,</li> <li>- Triển khai thực hiện Quyết định số 213/QĐ-TKV ngày 13/02/2019 của HĐTV Tập đoàn TKV về việc thay đổi Người đại diện của TKV tham gia BKS Công ty. (ông Nguyễn Văn Tấn thay ông Bùi Hữu Đăng làm thành viên BKS)</li> </ul> <p>Nội dung thông qua: Công ty không tổ chức họp ĐHĐCĐ bất thường để miễn nhiệm thành viên BKS đối với ông Bùi Hữu Đăng và bầu ông Nguyễn Văn Tấn tham gia BKS. Việc kiện toàn nhân sự Ban Kiểm soát sẽ được thực hiện tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.</p>
4	17/K3/NQ-HĐQT	30/3/2019	<p>Hội đồng quản trị phê duyệt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bổ nhiệm lại chức vụ Quản đốc đối với ông Luyện Huy Trọng - Quản đốc PX Vận tải lò 1. Thời gian bổ nhiệm trong tháng 4/2019.</li> <li>+ Bổ nhiệm ông Trần Trung Hiếu - Quyền Quản đốc PX Vận tải Giếng Đứng giữ chức vụ Quản đốc PX Vận tải Giếng Đứng. Thời gian bổ nhiệm trong tháng 4/2019.</li> <li>- Phê duyệt Quỹ tiền lương thực hiện năm 2018.</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu: Thuê ngoài đào lò chuẩn bị sản xuất năm 2019;</li> <li>- Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu:</li> <li>- Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu:</li> </ul>
5	18/K3/NQ-HĐQT	10/4/2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu: <b>Thuê ngoài đào lò chuẩn bị sản xuất năm 2019.</b></li> </ul>
6	19/K3/NQ-HĐQT	16/4/2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2018: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Lợi nhuận sau thuế: 63.214 Tr.đ</li> <li>+ Cổ tức thanh toán năm 2018: 8% = 20.332 Tr.đ</li> <li>+ Quỹ thưởng VCQL: 416 Tr.đ</li> <li>+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 32.466 Tr.đ</li> </ul> </li> </ul>
7	20/K3/NQ-HĐQT	22/5/2019	Phê duyệt nội dung trình về kế hoạch lựa chọn nhà

TT	Số Nghị quyết	Ngày họp	Nội dung
			<p>thầu gói thầu: Thuê chuyên gia hướng dẫn đào lò CGH đồng bộ 7-3.1 via 7 trong điều kiện địa chất phức tạp. Giám đốc điều hành chỉ đạo các phòng liên quan cập nhật hoàn thiện hồ sơ để báo cáo và làm việc với TKV xin ý kiến chỉ đạo, làm cơ sở cho việc triển khai thực hiện các bước tiếp theo</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa phê duyệt nội dung trình về kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Sửa chữa Nhà ở tập thể (Nhà 5 tầng) và gói thầu: Tư vấn giám sát sửa chữa Nhà ở tập thể (Nhà 5 tầng). Giám đốc chỉ đạo các Phòng, ban liên quan lập lại phương án sửa chữa để sửa chữa tạm. Đồng thời, lập phương án xây mới nhà ở tập thể gia đình công nhân và nhà ở tập thể công nhân để báo cáo HĐQT xem xét báo cáo TKV xin ý kiến.</li> <li>- Thông qua 5 phương án triển khai thực hiện khối lượng thăm dò, khảo sát thuộc kế hoạch kỹ thuật công nghệ năm 2019- Công ty CP Than Hà Lâm -Vinacomin theo nội dung Tờ trình số 908/TTr-HLC, ngày 22/5/2019 của Giám đốc điều hành. HĐQT ủy quyền cho Giám đốc điều hành phê duyệt phương án kỹ thuật, phương án thi công, dự toán và các nội dung khác để thực hiện nội dung 5 phương án nêu trên.</li> <li>- Hội đồng quản trị Công ty thông qua Quy chế Quản lý công tác vật tư. Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký quyết định ban hành quy chế.</li> <li>- Phê chuẩn cho ông Đào Đăng Bộ - số thẻ 5619- Quản đốc Phân xưởng Sàng 28 được chấm dứt hợp đồng lao động</li> </ul>
8	21/K3/NQ-HĐQT	04/7/2019	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đánh giá kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2019 và KH SXKD Quý III/2019</li> <li>2. Phê duyệt Quy chế Quản lý tiền lương và phân phối thu nhập</li> <li>3. Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch triển khai đề án tái cơ cấu - Công ty CP Than Hà Lâm -Vinacomin giai đoạn 2017-2020.</li> <li>4. phê duyệt điều chỉnh chuyển bước từ kế hoạch dự phòng lên kế hoạch chính thức (công trình khởi công mới) đối với Dự án đầu tư PVSX năm 2019 - Công ty CP Than Hà Lâm -Vinacomin.</li> <li>5. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Dự án đầu tư PVSX năm 2019 - Công ty CP Than Hà Lâm - Vinacomin (gồm 16 gói thầu)</li> <li>6. Phê duyệt kế hoạch LCNT gói thầu: Thuê ngoài bổ sung khoan lỗ min, bóc xúc và vận chuyển đất đá phục vụ khai thác lộ thiên năm 2019.</li> <li>7. Phê duyệt kế hoạch LCNT đối với 03 gói thầu thuộc phương án sửa chữa nhà ở tập thể (5 tầng).</li> <li>8. Đề nghị HĐQT thông qua gói thầu: Xây dựng phần mềm hạch toán chi phí phân xưởng tại Công ty CP Than Hà Lâm -Vinacomin.</li> </ol> <p>HĐQT không thông qua gói thầu "Xây dựng phần mềm hạch toán chi phí phân xưởng tại Công ty CP Than Hà Lâm -Vinacomin"</p>



TT	Số Nghị quyết	Ngày họp	Nội dung
			<p>Giám đốc điều hành: Chỉ đạo các phòng, ban liên quan thực hiện nội dung Nghị quyết số 13/K3/NQ- HDQT, ngày 30/11/2018 có nội dung liên quan đến việc xây dựng phần mềm hạch toán chi phí phân xưởng.</p>
9	22/K3/NQ-HĐQT	06/8/2019	<p>1. Đánh giá kết quả SXKD tháng 7 năm 2019 và KH SXKD tháng 8/2019. Công ty cần có các giải pháp quản lý, điều hành cụ thể để chỉ đạo và triển khai thực hiện KH tháng 8/2019 đạt và vượt KH, đồng thời tăng cường quản lý, chỉ đạo thực hiện đầu tư trong tháng 8 cũng như cả năm 2019 hoàn thành kế hoạch đã được TKV thông qua.</p> <p>2. Phê duyệt chuyển bước chính thức kế hoạch ĐTXD năm 2019 đối với Dự án đầu tư thiết bị chống giữ duy trì công suất lò chợ CGH đồng bộ 600.000 tấn/năm.</p> <p>3. Phê duyệt KHLCNT đối với 02 gói thầu thuộc phương án sửa chữa nhà ăn (nhà 3 tầng) và hội trường.</p> <p>4. Thông qua việc lập Dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống PCCC của Nhà ở công nhân (khu tập thể 12 tầng); đối với việc lắp đặt hệ thống PCCC cho gara tầng hầm Nhà điều hành SX (nhà 7 tầng), công ty rà soát lại đối với công trình kho mìn, nhà để xe máy (nếu cần) chi phí được hạch toán vào CPSX năm 2019.</p> <p>5. Phê duyệt bổ nhiệm ông Nguyễn Cường Vũ - Số thẻ 13654A - Quyền quản đốc KTCB5 giữ chức vụ Quản đốc Công trường KTCB5; Bổ nhiệm ông Lê Duy Khánh - Số thẻ 16059 - Quyền quản đốc CGH2 giữ chức vụ Quản đốc Công trường CGH2.</p> <p>6. Phê duyệt Quy chế Quản lý Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi.</p>
10	23/K3/NQ-HĐQT	20/8/2019	<p>1. Phê duyệt KHLCNT đối với 02 gói thầu thuộc Dự án đầu tư thiết bị chống giữ duy trì công suất lò chợ CGH đồng bộ công suất 600.000 tấn/năm</p> <p>2. Thông qua Dự án đầu tư mua sắm thiết bị bơm Tro bay phòng ngừa sự cố cháy nội sinh cho các vỉa than có tính tự cháy - Công ty CP Than Hà Lâm -Vinacomin</p> <p>3. Về đánh giá ảnh hưởng của Phương án Quy hoạch tổ hợp đô thị, du lịch nghỉ dưỡng, sân golf và vui chơi giải trí, trường đại học FLC đến sản xuất công ty Báo cáo số 1510/BC-HLV ngày 15/8/2019 của Giám đốc điều hành.</p> <p>Giám đốc điều hành: Chỉ đạo các phòng, ban liên quan cần nghiên cứu kỹ các văn bản của TKV (công văn số 4189/TKV-KCL+TN+ĐT ngày 16/8/2019) và tỉnh Quảng ninh (công văn số 1522/UBND-QHI ngày 13/3/2019) cùng hệ thống các văn bản pháp luật ban hành về quản lý đất đai, tài nguyên... để thực hiện.</p> <p>4. Đánh giá về tình hình sản xuất tại lò chợ CGHĐB 1,2Tr.Tấn và triển khai thực hiện theo ý kiến chỉ đạo tại Thông báo số 121/TB-TTĐHSX ngày 12/8/2019 Vv Thông báo kết luận của PTGD Nguyễn Đình Thịnh tại cuộc kiểm tra sản xuất và làm việc với CTCP than Hà Lâm- Vinacomin.</p> <p>5. Tổ chức rà soát một số nội dung triển khai thực hiện Nghị quyết của HĐQT đã ban hành và công tác quản lý của công ty:</p>

TT	Số Nghị quyết	Ngày họp	Nội dung
11	24/K3/NQ-HĐQT	19/9/2019	<p>1. Phê duyệt KHLCNT đối với 02 gói thầu thuộc Dự án đầu tư mua sắm thiết bị bơm tro bay phòng ngừa sự cố cháy nội sinh cho các vỉa than có tính tự cháy Công ty CP Than Hà Lầm - Vinacomin</p> <p>2. Phê duyệt KHLCNT đối với 02 gói thầu thuộc Phương án sửa chữa Nhà sinh hoạt Mỏ.</p> <p>3. Điều chỉnh hạng mục trong Dự án đầu tư PVSX năm 2019 và phê duyệt bổ sung KHLCNT đối với 01 gói thầu thuộc dự án đầu tư phục vụ sản xuất năm 2019.</p>
12	25/K3/NQ-HĐQT	30/10/2019	<p>1. Thực hiện Công văn 4880/TKV-TCNS ngày 27/9/2019 của Tổng giám đốc TKV về kết quả triển khai kiểm điểm theo Kết luận số 2810/KL-TTTP của Thanh tra Chính phủ.</p> <p>2. Đánh giá kết quả SXKD tháng 10 và 10 tháng đầu năm 2019 và KH SXKD tháng 11/2019: Nhất trí số liệu báo cáo về dự kiến kết quả SXKD tháng 10, lũy kế thực hiện 10 tháng và phương hướng nhiệm vụ tháng 11/2019.</p> <p>3. Phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2019 điều chỉnh - Công ty CP than Hà Lầm - Vinacomin</p> <p>4. Nâng bậc lương cho cán bộ quản lý Công ty  - Ông Trần Mạnh Cường - Giám đốc Công ty  - Ông Vũ Ngọc Thắng - Phó Giám đốc</p> <p>5. Phê chuẩn bổ nhiệm lại chức vụ quản đốc đối với ông Lê Đức Đạt - Số thẻ 13519, thời hạn giữ chức vụ là 03 năm, kể từ ngày 01/11/2019.  - Đẩy nhanh tiến độ quyết toán Dự án khai thác dưới -50 mỏ than Hà Lầm, Giám đốc công ty lưu ý quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện trong năm 2019.</p>
13	26/K3/NQ-HĐQT	22/11/2019	<p>1. Chỉ đạo công tác thẩm tra quyết toán và quyết toán dự án hoàn thành dự án Đầu tư khai thác phần dưới mức -50 - Mỏ than Hà Lầm - Công ty than Hà Lầm (điều chỉnh).</p> <p>2. Xem xét Dự án đầu tư nâng cấp hệ thống an toàn trực tải giếng đứng - Công ty CP Than Hà Lầm - Vinacomin để Người đại diện phần vốn TKV tại Công ty báo cáo TKV thông qua.  HĐQT chưa thông qua Dự án đầu tư nâng cấp hệ thống an toàn trực tải giếng đứng. Do đó, người đại diện phần vốn TKV chưa báo cáo TKV để xin ý kiến về dự án này.  Giám đốc điều hành chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn thực hiện các ý kiến nêu trên của các thành viên HĐQT: Rà soát danh mục thiết bị DA; Thuê nhà thầu có đủ năng lực, chuyên môn sâu để thẩm tra toàn bộ nội dung dự án... Sau đó tổng hợp, báo cáo HĐQT xem xét trước khi NDD phần vốn TKV tại Công ty báo cáo TKV.</p> <p>3. Xem xét thông qua Dự án đầu tư hệ thống giám sát an toàn cho thông tin mạng và Scada: HĐQT chưa thông qua Dự án đầu tư hệ thống giám sát an toàn cho thông tin mạng và Scada  Giám đốc điều hành chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn</p>

TT	Số Nghị quyết	Ngày họp	Nội dung
			và tư vấn soát xét lại hồ sơ dự án: kết nối Internet vào 2 cụm gồm Nhà điều hành SX và MB+75; cơ cấu lại thiết bị huy động và trang bị mới; xem xét lại giá, nhất là sản phẩm phần mềm của dự án. Sau khi hoàn thiện, Giám đốc trình HĐQT để xem xét.
14	27/K3/NQ-HĐQT	12/12/2019	<p>1. Thông qua nhận xét, đánh giá, xếp loại cán bộ quản lý Công ty năm 2019, bao gồm các chức danh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cán bộ là người đại diện của TKV tham gia HĐQT, Ban kiểm soát Công ty (giữ các chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty, Thành viên HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên BKS);</li> <li>- Cán bộ quản lý Công ty giữ các chức vụ: Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng; thành viên BKS không phải người đại diện của TKV;</li> </ul>
15	28/K3/NQ-HĐQT	24/12/2019	Hội đồng quản trị Công ty tán thành thông qua cho ông Trần Mạnh Cường - Thành viên HĐQT - Giám đốc điều hành được nghỉ việc riêng đi Canada kể từ ngày 25/12/2019 đến hết ngày 01/01/2020.
16	29/K3/NQ-HĐQT	30/12/2019	<p>HĐQT xem xét thông qua nội dung sau:</p> <p>1. Về việc đề nghị HĐQT điều chỉnh (gia hạn) tiến độ thực hiện thực hiện Hợp đồng số 499/HD-HLC, ngày 07/6/2019 giữa Công ty với Công ty XL Mô -TKV về đào lò CBSX kể từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 31/6/2020.</p> <p>2. Công tác chuẩn bị đầu tư để Người đại diện phần vốn báo cáo TKV về 04 dự án: Dự án đầu tư mua sắm, lắp đặt hệ thống PCCC nhà ở công nhân; Dự án đầu tư hệ thống phun sương dập bụi cao áp cho các kho chế biến; Dự án đầu tư thiết bị phục vụ công tác an toàn; Dự án đầu tư hệ thống giám sát an toàn cho thông tin mạng Scada</p> <p>3. Xem xét Kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2020 giữa TKV và Công ty theo Quyết định số 2168/QĐ-TKV, ngày 23/12/2019 của Tổng Giám đốc TKV;</p> <p>4. Xem xét thông qua kế hoạch đầu tư XD năm 2020 của Công ty theo Tờ trình số 2542/TTr-HLC, ngày 27/12/2019 của Giám đốc điều hành</p>

*mautal*

## THÔNG BÁO Về danh sách người có liên quan

Căn cứ điểm a, khoản 4- Điều 159- Luật Doanh nghiệp 2014;  
Căn cứ Điều lệ Công ty CP Than Hà Lâm Vinacomin

Hội đồng quản trị Thông báo danh sách Người có liên quan để Đại hội biết. Nội dung của danh sách là các thông tin về 80 người là bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột của 12 người nội bộ là cán bộ quản lý giữ chức vụ: Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên BKS, Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người ủy quyền Công bố thông tin của Công ty.

Việc thông báo danh sách Người có liên quan là để những người có mối quan hệ nêu trên với 12 người nội bộ khi giao dịch cổ phiếu hoặc ký hợp đồng mua, bán với Công ty, thì phải Công bố thông tin và thực hiện các nghĩa vụ khác theo đúng quy định của pháp luật.

Về danh sách cụ thể, Công ty đã đăng tải trên Website của Công ty và Công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán trước ngày tổ chức đại hội 15 ngày để cổ đông tiếp cận theo đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị Công ty CP Than Hà Lâm-Vinacomin xin trân trọng thông báo Đại hội biết.

*(chi tiết kèm theo danh sách)*

### DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

tt	Họ tên	Tài khoản GD Chứng khoán	Chức vụ tại Cty nếu có	Số CMTND, ngày và nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số CP sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ	Ghi chú
1	Nguyễn Trọng Tốt		Chủ tịch HĐQT	034065002627 23/5/2016 CA Q/Ninh	Khu IA- P. Cao Thăng, Hạ Long, Q/Ninh	18860238	74,21	Đại diện cổ đông Tập đoàn TKV
2	Phạm Công Hương		TV HĐQT	013376754 9/3/2011 CA Hà Nội	88- Láng Hạ - Hà Nội	18 208	0,0716	
3	Trần Mạnh Cường		GD TV HĐQT	100576247 19/6/2013 CA Q/Ninh	P. Hà Lâm, Hạ Long, Q/Ninh	3101	0,0122	
4	Vũ Ngọc Thăng		P.GD TV HĐQT	100721152 10/12/2009 CA Q/Ninh	P. Yên Kiêu, Hạ Long, Quảng Ninh	1421	0,0055	
5	Trương Ngọc Linh		PGD TV HĐQT	100650427 10/1/1993 CA Q/Ninh	-Nt-	961	0,0037	
6	Đinh Trung Kiên		Phó GD	100742405 03/6/2006,	P. Bãi Cháy-TP Hạ Long-Quảng	500	0,0016	

tt	Họ tên	Tài khoản GD Chứng khoán	Chức vụ tại Cty nếu có	Số CMTND, ngày và nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số CP sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ	Ghi chú
				CA Q/Ninh	Ninh			
7	Nguyễn Văn Sơn		Phó GD	100556499 3/6/2006 CA Q/Ninh	P. Trần Hưng Đạo, Hạ Long, Quảng Ninh	4341	0,0170	
8	Cao Việt Phương		Phó GD	100729452 19/3/2003 Q/Ninh	P. Hồng Gai, Hạ Long, Quảng Ninh	1239	0,0048	
9	Trịnh Xuân Khoa		TVBKS	101145761 22/9/2008 Q/Ninh	P. Hà Lâm, Hạ Long, Quảng Ninh	411	0,0016	
10	Trần Thị Ngạn		TVBKS	030175003671 26/10/2017 Cục CS	Khu 4 Hồng Hà, Hạ Long, Q/ Ninh	0	0	
11	Vũ Thị Minh Thanh		Kế toán trưởng	100756234 24/12/2012 Q/Ninh	P. Cao Thắng, Hạ Long, Quảng Ninh	1 621	0,0056	
12	Vũ Thị Xâm			0	Thái sơn, thái thụy, Thái Bình	0	0	Mẹ ông Tốt (1)
13	Bùi Thị Hoa			034171003584 27.12.2016 Cục CS	Khu 1A, P Cao Thắng, Hạ Long, Q/Ninh	0	0	Vợ ông Tốt (1)
14	Nguyễn Mai Quỳnh			101246374 17.11.2011 CA Q/Ninh	-Nt-	0	0	Con ông Tốt (1)
15	Nguyễn Quỳnh Trang			022302000187 27.12.2016 Cục CS	-Nt-	0	0	Con ông Tốt (1)
16	Nguyễn Thị Chiện			034154003361 5.1.2017 Cục CS	Thái Sơn, Thái Thụy, Thái Bình	0	0	Chị ông Tốt (1)
17	Nguyễn Thị Huyền			034162003814 Cục CS	-Nt-	0	0	Chị ông Tốt (1)
18	Đào Kim Dương			13155433 14/3/2009 CA Hà Nội	88 Láng Hạ, Đống Đa-HN	0	0	Vợ ông Hương (2)
19	Phạm Hoàng Phương			13155432 14/3/2010 CA Hà Nội	88 Láng Hạ, Đống Đa-HN	0	0	Con ông Hương (2)
20	Phạm Phương Linh			13636129 25/4/2013 CA Hà Nội	88 Láng Hạ, Đống Đa-HN	0	0	Con ông Hương (2)
21	Phạm Công Áu			140695189 24/9/2012 CA Hải Dương	Ngô Quyền, Thanh Miện- Hải Dương	0	0	Bố ông Hương (2)
22	Nguyễn Thị My			142881429 24/9/2012 CA Hải Dương	-Nt-	0	0	Mẹ ông Hương (2)
23	Phạm Công Tuấn			230275748 22/12/2003 CA Gia Lai	-Nt-	0	0	Anh ông Hương (2)
24	Phạm Thị Hương			141162693 18/6/2011 CA Hải Dương	-Nt-	0	0	Em ông Hương (2)
25	Phạm Đức Hạnh			230803812 29/5/2006 CA Gia Lai	-Nt-	0	0	Em ông Hương (2)
26	Phạm Thị Hiền			141555090 5/4/2008 CA Hải Dương	Đoàn Tùng, Thanh Miện, Hải Dương	0	0	Em ông Hương (2)
27	Phạm Thị Hiền			141731990 26/5/2008 CA Hải Dương	Ngô Quyền, Thanh Miện- Hải Dương	0	0	Em ông Hương (2)
28	Trần Đình Thi			0	Khu 4- P Hà Lâm -TP hạ	0	0	Bố ông Cường (3)

tt	Họ tên	Tài khoản GD Chứng khoán	Chức vụ tại Cty nếu có	Số CMTND, ngày và nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số CP sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ	Ghi chú
					Long, Quảng Ninh			
29	Nguyễn Thị Lâm			0	-Nt-	0	0	Mẹ ông Cường (3)
30	Phạm Thị Thu Huyền			100721869 15/5/1998 Q/Ninh	-Nt-	191	0,0007	Vợ ông Cường (3)
31	Trần Duy Long			0	-Nt-	0	0	Con ông Cường (3)
32	Trần Minh An			0	-Nt-	0	0	Con ông Cường (3)
33	Trần Nam Trung			0	Cty CP Than Hà Lâm	0	0	Em ông Cường (3)
34	Trần Thị Thu Thủy			0	Khu II, p. Trung Vương, Uông Bí, Q/Ninh	0	0	Em ông Cường (3)
35	Vũ Hữu Hợp			100045526 16/5/1978 CAQ/Ninh	Khu I. P. Yết kiêu, Hạ Long, Q/Ninh	0	0	Bố ông Thắng (4)
36	Nguyễn Thị Mãng			100421287 5/6/1997 CA Q/Ninh	-Nt-	0	0	Mẹ ông Thắng (4)
37	Nguyễn Thị Hằng			100713109 15/7/2011 CA Q/Ninh	-Nt-	0	0	Vợ ông Thắng (4)
38	Vũ Minh Đức			0	-Nt-	0	0	Con ông Thắng (4)
39	Vũ Minh Đạt			0	-Nt-	0	0	Con ông Thắng (4)
40	Nguyễn Thị Việt			0	-Nt-	0	0	Mẹ ông Linh (5)
41	Trịnh Thị Hằng			111840843 31/1/2008 CA Hà Tây	Khu 6, Yết kiêu, Hạ Long, Quảng Ninh	0	0	Vợ ông Linh (5)
42	Trương Mạnh Hải			0	-Nt-	0	0	Con ông Linh (5)
43	Trương Mạnh Cường			0	-Nt-	0	0	Con ông Linh (5)
44	Trương Văn Chính	Quản đốc		31054045 1/4/1996 CA Q/Ninh	K5, P Hà Trung, Hạ Long, Q/Ninh	491	0,0019	Em ông Linh (5)
45	Đinh Hữu Phi			100742404 12/11/2010 CA Q/Ninh	Đại yên- Hạ Long- Quảng Ninh	0	0	Bố ông Kiên (6)
46	Đào Thị Lan			100247170 23/10/2012 CA Q/Ninh	-Nt-	0	0	Mẹ ông Kiên (6)
47	Lý Kim Thoa			100779331 15/11/2014 CA Q/Ninh	P. Bãi Cháy-TP Hạ Long-Quảng Ninh	0	0	Vợ ông Kiên (6)
48	Đinh Trung Hiếu				-Nt-	0	0	Con ông Kiên (6)
49	Đinh Thị Hương Quỳnh			100777530 21/4/2015 CA Q/Ninh	Đại Yên-TP Hạ Long- Quảng Ninh	0	0	Em ông Kiên (6)
50	Đinh Quỳnh Trang			101146637 1/3/2012 CA Q/Ninh	-Nt-	0	0	Em ông Kiên (6)
51	Vân Thị Nguyệt			0	Khu I, Trần Hưng Đạo, TP hạ Long, Quảng Ninh	0	0	Mẹ ông Sơn (7)
52	Đào Thị Hà			100673919 12/4/2007 CA Q/Ninh	-Nt-	0	0	Vợ ông Sơn (7)
53	Nguyễn Sơn Tùng			0	-Nt-	0	0	Con ông

tt	Họ tên	Tài khoản GD Chứng khoán	Chức vụ tại Cty nếu có	Số CMTND, ngày và nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số CP sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ	Ghi chú
								Son (7)
54	Nguyễn Sơn Bách			0	-Nt-	0	0	Con ông Sơn (7)
55	Nguyễn Văn Thành			100033246 1/5/2006	Hồng Hải, TP Hạ Long, Quảng Ninh	0	0	Anh ông Sơn (7)
56	Cao Bá Ái			100011217 3/6/2006 CA Q/Ninh	Khu II, Yết Kiêu - Hạ Long- Quảng Ninh	3 561	0,0140	Bố ông Phương (8)
57	Nguyễn Ngọc Lan			101257822 20/8/2003 CA Q/Ninh	-Nt-	0	0	Mẹ ông Phương (8)
58	Lê Thị Thùy Linh			101089985 15/10/2007 CA Q/Ninh	P. Hạ Long-TP. Hạ Long- Quảng Ninh	0	0	Vợ ông Phương (8)
59	Cao Lê Thu Hương			0	-Nt-	0	0	Con ông Phương (8)
60	Cao Lê Phương Trinh			0	-Nt-	0	0	Con ông Phương (8)
61	Cao Việt Linh			0	-Nt-	0	0	Em ông Phương (8)
62	Trịnh Xuân Diễm			0300550000294 22/10/2015 Tổng cục CS	Hiệp cát, Nam Sách- Hải Dương	0	0	Bố ông Khoa (9)
63	Lê Thị Dung			140506150 29/5/2014 CA Hải Dương	-Nt-	0	0	Mẹ ông Khoa (9)
64	Nguyễn Thị Hạnh			100797059 01/1/2015 CA Q/Ninh	Khu II, P.Hà Lâm, TP Hạ Long, Quảng Ninh	0	0	Vợ ông Khoa (9)
65	Trịnh Trường Phúc			0	-Nt-	0	0	Con ông Khoa (9)
66	Trịnh Thị Thơ			141868990 5/9/2006 CA Hải Dương	Số 34, P. Nhị Châu-TP Hà Dương	0	0	Em ông Khoa (9)
67	Dương Thị Hòa			0	Ngô Quyền, Thanh Miện, Hải Dương	0	0	Mẹ bà Ngân (10)
68	Nguyễn Như Quỳnh			02207500162 20/6/2017 CA Q/Ninh	Xuân Sơn, Đông Triều, Quảng Ninh	0	0	Chồng bà Ngân (10)
69	Nguyễn Sơn Tùng			0	Khu4, Hồng Hà, Hạ Long, Q/Ninh	0	0	Con bà Ngân (10)
70	Trần Thị Hiền			030170001666 6/12/2016 CA Q/Ninh	-Nt-	0	0	Chị bà Ngân (10)
71	Trần Văn Khiêm			030064001285 1/8/2016 CA Q/Ninh	Công ty than Nam Mẫu, Uông Bí, Quảng Ninh	0	0	Anh bà Ngân (10)
72	Trần Thị Huế			063023580 23/3/2012 CA Lào Cai	Phố Mới, Lào Cai	0	0	Chị bà Ngân (10)
73	Trần Thị Hạnh			030172001209 28/6/2016 CA Hà Nội	175 Đội Cấn, Hà Nội	0	0	Chị bà Ngân (10)
74	Trần Văn Khiên			30080000070 14/5/2016 CA Hà Nội	Minh Khai, Vĩnh Tuy, Hà Nội	0	0	Em bà Ngân (10)

tt	Họ tên	Tài khoản GD Chứng khoán	Chức vụ tại Cty nếu có	Số CMTND, ngày và nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số CP sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ	Ghi chú
75	Vũ Đình Thính			100039917 15/3/2006 CA Q/Ninh	K3, p Hồng gai, Hạ Long, Q/Ninh	0	0	Bố bà Thanh (11)
76	Vũ Thị Thuý			160702438 28/8/2014 CA Nam Định	-Nt-	0	0	Mẹ bà Thanh (11)
77	Vũ Xuân Thuộc			100056099 13/6/2015 CA Q/Ninh	K2, Cao Thăng, Hạ Long, Q/Ninh	0	0	Chồng bà Thanh (11)
78	Vũ Thị Hoài Phúc			0	-Nt-	0	0	Con bà Thanh (11)
79	Vũ Xuân Đức Long			0	-Nt-	0	0	Con bà Thanh (11)
80	Vũ Thị Minh Dung			101220349 4/6/2011 CA Q/Ninh	K6, Cao Thăng, Hạ Long, Quảng Ninh	0	0	Em bà Thanh (11)
81	<b>Nguyễn Văn Tấn</b>		<b>Trưởng ban KS</b>	<b>101074386 8/8/2017 CA Q/Ninh</b>	<b>Bán đảo Linh đàm, P.Hoàng Liệt, Q.Hoàng Mai, Hà Nội</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
82	Ngô Thị Lan Oanh			100609524 21/1/2005 CA Q/Ninh	-Nt-	0	0	Vợ ông Tấn (81)
83	Nguyễn Lan Phương			101321844 18/1/2014 CA Q/Ninh	-Nt-	0	0	Con ông Tấn (81)
84	Nguyễn Anh Đạt				-Nt-	0	0	Con ông Tấn (81)
85	Nguyễn Văn Đậu			100957913 01/3/2005 CA Q/Ninh	-Nt-	0	0	Bố ông Tấn (81)
86	Nguyễn Thị Mỹ			140845231 17/1/1979 CA. Hưng yên	Vân Giang, Hưng Yên	0	0	Mẹ ông Tấn (81)
87	Nguyễn Thị Hạnh Yến			13244701 05/1/2010 CA Hà Nội	Hoàng Mai, Hà Nội	0	0	Em ông Tấn (81)
88	Nguyễn Văn Hưng			100703975 03/4/2012 CA Q/Ninh	-Nt-	0	0	Em ông Tấn (81)
89	Phạm Văn Tác		Người UQCBTT	034062005173 7/3/2016 Cục CS	Ngõ 5, P Cao Thăng, Hạ Long, Q/Ninh	0	0	
90	Lương Thị Yến			030169000617 3/1/2017 Cục CS	-nt-	0	0	Vợ ông Tác (89)
91	Phạm Huyền Trang			0	-nt-	0	0	Con ông Tác (89)
92	Phạm Nhất Long			0	-nt-	0	0	Con ông Tác (89)

*mautal*



## **BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Hà Lâm-Vinacomin;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Than Hà Lâm-Vinacomin đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24/4/2019;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Than Hà Lâm-Vinacomin;

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Than Hà Lâm-Vinacomin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 kết quả hoạt động kiểm soát tại Công ty cổ phần Than Hà Lâm-Vinacomin (Công ty), cụ thể như sau:

### **I. VỀ THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY NĂM 2019**

#### **1. Ban kiểm soát gồm 03 người:**

Ông Bùi Hữu Đăng	Trưởng ban	Đến hết ngày 28/02/2019 (*)
Ông Nguyễn Văn Tấn	Trưởng ban	Từ ngày 24/4/2019 (*)
Ông Trịnh Xuân Khoa	Thành viên	Từ ngày 01/3/2019(*)
Bà Nguyễn Thị Ngạn	Thành viên	

(\*) Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên của Công ty cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin, số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2019.

#### **2. Tiền lương, thù lao Công ty trả cho các thành viên BKS năm 2019:**

- Tiền lương 01 người = 55.200.000 đồng (02 tháng của Ông Bùi Hữu Đăng)

- Thù lao cho 03 người = 147.200.000 đồng (20 tháng thù lao của 3 thành viên không chuyên trách)

### **II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019**

1. Hàng quý, Ban kiểm soát đều đã thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Theo kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019 đã thường xuyên Kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện quá trình hoạt động SXKD theo từng quý, cả



năm 2019 của Công ty trên cơ sở Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, các Quy chế, quy định nội bộ... có liên quan.

3. Đã tăng cường việc kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các quy chế, quy định, quy trình, nội quy và các văn bản khác của Công ty;

4. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

5. Xem xét báo cáo của kiểm toán viên độc lập và các báo cáo về các hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty trước khi HĐQT chấp thuận. Tham khảo ý kiến về việc đề xuất công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019.

6. Thẩm định tính đúng đắn, hợp pháp và trung thực báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị...

7. Trong năm 2019 Ban kiểm soát đã tổ chức họp 09 cuộc (trong đó có 5 cuộc họp định kỳ; 04 cuộc họp bất thường). Nội dung cuộc họp định kỳ và bất thường để giải quyết các công việc sau:

Thông qua các báo cáo trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2019. Bầu Trưởng ban KS; Ban giao công việc giữa 2 Trưởng ban; Phân công nhiệm vụ trong BKS, triển khai kế hoạch hoạt động của BKS; đánh giá kết quả giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban giám đốc, các cán bộ quản lý của Công ty trong việc thực hiện các quy định pháp luật, điều lệ công ty, các quy định nội bộ và nghị quyết của đại hội đồng cổ đông; đánh giá hoạt động hằng quý của BKS và tham gia ý kiến với HĐQT trước khi xét phê duyệt KHLCNT,...

8. Ngoài các buổi họp và làm việc trực tiếp, Ban kiểm soát cũng đã thường xuyên liên lạc, trao đổi thông tin, tài liệu và đề ra các giải pháp cụ thể, thiết thực trong việc thực hiện các nhiệm vụ của Ban nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động.

### **III. VỀ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO KINH DOANH VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019 CỦA CÔNG TY**

**1. Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty** được lập theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 12/12/2014 của Bộ Tài chính và đã được kiểm toán theo quy định bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam phát hành báo cáo kiểm toán số 65/2020/BCKT-PKF.VPC ngày 25 tháng 3 năm 2020.

**2. Về thẩm định báo cáo kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2019** (có báo cáo chi tiết kèm theo)

### **IV. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC CÔNG TY VÀ CÁC NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN KHÁC**

**1. Về tổ chức bộ máy:** Hội đồng quản trị Công ty gồm có 05 người:

Ông Nguyễn Trọng Tốt  
Ông Trần Mạnh Cường  
Ông Phạm Công Hương  
Ông Trương Ngọc Linh  
Ông Vũ Ngọc Thắng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Ủy viên – Giám đốc Công ty  
Ủy viên  
Ủy viên  
Ủy viên

## **2. Về hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc Công ty.**

- Trong năm 2019, HĐQT đã tổ chức 16 phiên họp để thống nhất một số nội dung quan trọng như:

Thực hiện chi trả cổ tức đúng tỷ lệ và thời hạn luật định, bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Tổ chức hoạt động SXKD: Bám sát kế hoạch SXKD đã được ĐHĐCĐTN năm 2019 thông qua và các Nghị quyết, quyết định và quy chế... của HĐQT để đề ra các giải pháp chỉ đạo điều hành hợp lý; tổ chức khoán chi phí đến các công trường, phân xưởng; thực hiện quản lý vật tư, nguyên nhiên vật liệu, tài sản khác, tăng cường công tác thanh, kiểm tra trên các mặt; chủ động và phối hợp với các cơ quan đóng trên địa bàn tham gia bảo vệ khai trường... chống trộm cắp; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng góp phần bảo vệ an ninh trật tự doanh nghiệp.

Ngoài ra, HĐQT còn thông qua các nghị quyết, quyết định thuộc thẩm quyền khác dưới hình thức lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản.

- Ban Giám đốc đã triển khai thực hiện tốt Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT theo đúng chức năng và thẩm quyền. Trong năm 2019, Ban giám đốc Công ty đã có nhiều nỗ lực để củng cố, hoàn thiện tổ chức bộ máy, đảm bảo tình hình SXKD của Công ty được duy trì tốt.

- Ban Kiểm soát cho rằng HĐQT Công ty đã giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Giám đốc Công ty trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 và lập kế hoạch cho năm 2020....

- Công tác quản lý và các mặt hoạt động khác: HĐQT, Ban Giám đốc đã hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đã được quy định tại Điều lệ và các quy chế quản trị nội bộ của Công ty.

Ban kiểm soát chưa phát hiện được điều gì bất thường gây ra sai phạm lớn trong hoạt động của các thành viên HĐQT và Ban Giám đốc.

## **V. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HĐQT, GIÁM ĐỐC CÔNG TY VÀ CÁC CỔ ĐÔNG**

- Trong năm 2019 Ban KS Công ty đã phối hợp tốt với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc công ty trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 giao cho, cũng như tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Luật Doanh nghiệp...

- Trong năm 2019 Ban KS Công ty không nhận được ý kiến, kiến nghị nào của các cổ đông.

Tại Đại hội này Ban kiểm soát Công ty cũng rất mong nhận được các ý kiến tham gia đóng góp của các quý cổ đông về hoạt động của Ban kiểm soát,... để Ban

KS Công ty ngày một hoàn thiện hơn trong công tác kiểm tra, giám sát của mình, để phục vụ tốt hơn cho các quý cổ đông Công ty.

## **VI. BAN KIỂM SOÁT KIẾN NGHỊ CÔNG TY**

- Đề nghị Công ty cần tăng cường hơn nữa công tác quản trị tài nguyên, công tác quản trị chi phí, công tác giao khoán các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ, kỹ thuật cơ điện,... để tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Công ty thường xuyên rà soát định mức kinh tế kỹ thuật, ban hành bổ sung các định mức cho phù hợp,...đảm bảo quy định của Luật thuế thu nhập Doanh nghiệp, hiện nay là Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính.

- Đề nghị công ty thực hiện xác định chi phí lãi vay đảm bảo qui định của nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017.

- Đề nghị Công ty khẩn trương hoàn tất hồ sơ quyết toán dự án Đầu tư khai thác phần dưới -50 mỏ than Hà Lâm đáp ứng yêu cầu về nội dung, yêu cầu về thời gian: lập, kiểm toán, thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo hướng dẫn quy định (*xem Thông tư 09/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài Chính*).

## **VII. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020**

1. Kiểm tra, giám sát HĐQT, Ban giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông, các quy định nội bộ Công ty,...

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

3. Thẩm định báo cáo tài chính của Công ty 6 tháng và cả năm 2020, báo cáo tình hình kinh doanh, đầu tư, tiền lương,... của Công ty;

4. Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 trình Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

5. Thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát hành quý theo kế hoạch của Ban kiểm soát công ty được quy định tại Luật Doanh nghiệp, điều lệ và tổ chức hoạt động của Công ty, các quy định khác có liên quan.

Trên đây là báo cáo thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát năm 2019, kế hoạch hoạt động năm 2020 của Ban KS Công ty. Ban kiểm soát Công ty trân trọng báo cáo trình trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020./.



**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY VỀ THẨM ĐỊNH  
BÁO CÁO KINH DOANH, BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Hà Lâm-Vinacomin;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Than Hà Lâm-Vinacomin đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24/4/2019;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty;

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Than Hà Lâm-Vinacomin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 về thẩm định báo cáo kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty cổ phần Than Hà Lâm-Vinacomin (Công ty), cụ thể như sau:

**I. BÁO CÁO KINH DOANH CỦA CÔNG TY NĂM 2019**

Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty được phản ánh trên một số chỉ tiêu chủ yếu, cụ thể như sau:

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KH NĂM 2019 (CV6736)	KH NĂM ĐH, ĐC (CV2174)	THỰC HIỆN NĂM 2019	SO SÁNH %	
						TH/KH	TH/KHĐ C
A	B	C	1	2	3	4=3/1	5=3/2
1	Than nguyên khai khai thác	Tấn	3 150 000	3 265 000	3 270 468	103,82	100,17
	- Than lộ thiên	"	750 000	965 000	965 591	128,75	100,06
	- Than hầm lò	"	2 400 000	2 300 000	2 304 877	96,04	100,21
2	Đất bóc CBSX	1000	1 430	2 500	2 501	174,89	100,04

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KH NĂM 2019 (CV6736)	KH NĂM ĐH, ĐC (CV2174)	THỰC HIỆN NĂM 2019	SO SÁNH %	
						TH/KH	TH/KHĐ C
A	B	C	1	2	3	4=3/1	5=3/2
		m <sup>3</sup>					
3	Đào lò CBSX	m	9 500	9 100	9 152	96,34	100,57
4	Than tiêu thụ	Tấn	3 005 000	3 120 000	3 165 420	105,33	101,45
5	Doanh thu than	Tr.đồng	2 973 677	3 117 638	3 136 722	105,48	100,61
6	Lợi nhuận trước thuế	"	43 048	62 722	79 348	184,32	126,50
7	Lao động bình quân	Người	3 145	3 145	3 100	98,57	98,57
8	Tiền lương bình quân/người/tháng	1000đ	13 540	13 540	13 935	102,91	102,91
9	Than tồn kho	Tấn	102 107	102 107	103 994	101,85	101,85

**\* Đánh giá tình hình thực hiện:**

**1. Về thực hiện chỉ tiêu công nghệ:**

1.1. Sản lượng than lò chợ CGH thực hiện 1.567.327 tấn/1.600.000 tấn kế hoạch, đạt 97,96% (giảm 32.673 tấn), nguyên nhân do: Lò chợ CGH via 7 công suất 1.200.000 tấn/năm trong quá trình khai thác trụ via biến đổi, lò chợ gặp phay phá cắt đá trụ (chiều dài cắt đá trung bình  $L = 80 \div 120m / \sum Lc = 155m$ ; chiều cao cắt đá từ 0,5÷3m) một số đoạn lò có nguy cơ bị nén lún, nghiêng giàn, phải củng cố trải lưới thép lên nóc giàn và bơm hóa chất để gia cố nền lò chợ), khẩu vê tiến trước phía chân chợ (để giảm độ dốc lò chợ)... Vì vậy ảnh hưởng đến công tác khai thác lò chợ và sản lượng khai thác không đạt kế hoạch (khối lượng cắt đá lò chợ CGH 7-3.1 via 7 đã được TKV vào kiểm tra và xác nhận theo Biên bản làm việc ngày 05/12/2019).

1.2. Chỉ tiêu mét lò đá thực hiện 3021m/2250m kế hoạch, đạt 134,27% (tăng 771m) nguyên nhân do:

- Điều kiện địa chất thay đổi nên trong quá trình thi công đào lò một số đường lò dự kiến thi công đào trong than, tuy nhiên thực tế lò thi công trong đá dẫn đến khối lượng mét lò đá tăng, khối lượng mét lò than giảm so với kế hoạch;

- Căn cứ theo thông báo kết luận số 17/TB-TKV ngày 28/01/2019 của TKV, trong đó định hướng các đơn vị trong thời gian tới cần tập trung đổi mới công nghệ, cải thiện điều kiện làm việc, đi lại cho người lao động để nâng cao năng suất và đảm bảo các điều kiện cho sản xuất an toàn. Do vậy Công ty đã chủ động thi công một số tuyến đường lò ga song loan trong đá cải thiện điều kiện đi lại, làm việc cho người lao động để nâng cao năng suất, đảm bảo các điều kiện cho sản xuất an toàn. Khối lượng mét lò đá tăng, mét lò than giảm so với kế hoạch đã được Công ty báo cáo TKV theo Công văn số 2023/HLC-KCM ngày 25/10/2019.

1.3. Mét khoan thăm dò trong lò lỗ khoan dài thực hiện 3491,6/3030m đạt 115,23% tăng 461,6m nguyên nhân do:

- Lò chợ CGH đồng bộ 7-3.1 vỉa 7 trong quá trình khai thác trụ vỉa biến đổi, lò chợ gặp phay cắt đá dẫn đến sản lượng khai thác bằng công nghệ lò chợ CGH giảm, Công ty đã chủ động đưa các diện lò chợ giá TLDD liên kết xích vào khai thác sớm hơn so với kế hoạch ban đầu để bù lại phần sản lượng khai thác lò chợ CGH vỉa 7 bị hụt. Đối với khu vực khai thác tại khu II - Vía 10, Công ty đã huy động khai thác lò chợ giá xích 10-4 sớm hơn dự kiến. Lò chợ này nằm dưới moong khu II vỉa 11 đã khai thác lộ thiên. Để đảm bảo an toàn khi khai thác các lò chợ trên Công ty phải tiến hành khoan thăm dò và tháo khô nước bằng các lỗ khoan dài, do vậy khối lượng mét khoan thăm dò lỗ khoan dài tự làm thực hiện năm 2019 tăng so với kế hoạch. Khối lượng mét khoan thăm dò vượt so với kế hoạch đã được Công ty lập kế hoạch khoan thăm dò từng Quý và được TKV phê duyệt.

2. Về thực hiện giá thành các công đoạn sản xuất than: Giá thành một số công đoạn sản xuất chính thực hiện thấp hoặc vượt không nhiều so với kế hoạch TKV giao cho Công ty. Tuy nhiên năm 2019 đã phát sinh thêm một số công đoạn so với kế hoạch được giao như:

2.1. Công đoạn bốc xúc, vận tải than tiêu thụ: Theo kế hoạch TKV giao năm 2019 Công ty sẽ giao 1.550.000 tấn than nguyên khai (AK= 37,66%) cho Công ty tuyển than Hòn Gai, với nguồn than nguyên khai hầm lò AK = 36,62% và các nguồn than nguyên khai từ khai thác lộ thiên. Tuy nhiên trong kế hoạch phối hợp SXKD đầu năm, toàn bộ chi phí vận chuyển nguồn than lộ thiên để tiêu thụ này chưa được tính vào giá thành. Do đó năm 2019 phát sinh thêm công đoạn bốc xúc vận chuyển than tiêu thụ với số tiền là: **3.876 triệu đồng**.

2.2. Chi phí xử lý chống sạt lở khu vực +177 thuộc tuyến đường vận chuyển liên mỏ Núi Béo - Hà Lâm: Để đảm bảo an toàn khu vực phi Bắc khai trường khu II vỉa 11, đồng thời duy trì lưu thông tuyến +177 đường vận chuyển Núi Béo – mặt bằng +75 Hà Lâm. Công ty đã lập phương án xử lý và được TKV thông qua tại văn bản số 3561/TKV-MT ngày 12/7/2019; khối lượng và giá trị thực hiện của phương án đã được các Ban MT + Ban KCM xác nhận ngày 20/12/2019 và ý kiến thẩm

định của Ban TN ngày 11/12/2019. Do đó năm 2019 phát sinh chi phí này với số tiền là: **1.262 triệu đồng**.

3. Về thực hiện định mức tiêu hao một số vật tư chủ yếu:

3.1. Tiêu hao thuốc nổ trong hầm lò tăng: Định mức thực hiện năm 2019 là 74,92 (kg/1000 tấn)/61,93 (kg/1000 tấn) kế hoạch (bằng 120,98% kế hoạch, tăng 12,99kg/1000 tấn). Nguyên nhân do khi xây dựng chỉ tiêu, tiêu hao thuốc nổ hầm lò kế hoạch năm 2019, TKV duyệt kế hoạch cho Công ty chưa tính đến thuốc nổ tiêu hao cho khai thác lò chợ CGH do lò chợ cắt đá. Nhưng thực tế trong năm lò chợ CGH 7-3.1 vỉa 7 và lò chợ CGH 11-1.17 khai thác trong điều kiện trụ vỉa biến đổi, thường xuyên gặp phay phá phải cắt đá nên phải sử dụng một lượng lớn thuốc nổ như tương lò than (NLT) cho quá trình khấu tiến dàn với tổng khối lượng thuốc nổ NLT cho lò chợ CGH 7-3.1 vỉa 7 là 20.744,6 kg và cho lò chợ CGH 11-1.17 vỉa 11 là 6039,6 kg. Do đó, tiêu hao thuốc nổ cho khai thác than lò chợ tăng, dẫn đến tiêu hao thuốc nổ trong hầm lò tăng. Định mức thực hiện trong hầm lò sau khi đã trừ tiêu hao sử dụng cho lò chợ CGH là: 63,3 (kg/1000 tấn)/61,93 (kg/1000 tấn) kế hoạch (bằng 102,2% kế hoạch).

3.2. Tiêu hao lưới thép  $\Phi 2,5$  tăng: Định mức thực hiện 142,9 (kg/1000 tấn)/124,4 (kg/1000 tấn) kế hoạch (bằng 114,87% kế hoạch tăng 18,5kg/1000 tấn). Nguyên nhân do trong năm 2019, lò chợ CGH 11-1.17 vỉa 11 khai thác dưới đáy moong lộ thiên cũ. Theo phương án số 1496/PA-HLC ngày 15/8/2019 của Công ty lập và đã được TKV thông qua theo công văn số 5075/TKV-KCM ngày 09/10/2019 thì trong quá trình khai thác phải tiến hành trải lưới thép vì vậy khối lượng lưới thép sử dụng là 145.159,2 kg (tương đương 194,9 kg/1000 tấn/150,8 kg/1000 tấn than kế hoạch vượt 44,2 kg /1000 tấn) và lò chợ 10.3, 10.4 khu II vỉa 10 khai thác dưới moong khu II vỉa 11 đã khai thác lộ thiên cũ vì vậy khối lượng lưới thép sử dụng là 25.045,7 kg (tương đương 257,2 kg/1000 tấn/232,6 kg/1000 tấn than kế hoạch vượt 24,6 kg /1000 tấn). Định mức lưới thép sau khi đã trừ tiêu hao sử dụng cho lò chợ CGH 11-1.17 vỉa 11 và lò chợ 10.3, 10.4 khu II vỉa 10 là: 126,5 (kg/1000 tấn)/124,4 (kg/1000 tấn) kế hoạch (bằng 101,7% kế hoạch).

**\* Về thực hiện khoán chi phí nội bộ năm 2019**

Trên cơ sở chi phí khoán ký với TKV thông qua hợp đồng phối hợp kinh doanh. Công ty đã ban hành quyết định các giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 tại Quyết định số 278/QĐ-HLC ngày 21/01/2019; đồng thời ban hành chương trình hành động tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên, vốn, tài sản và lao động năm 2019 tại Quyết định số 916/QĐ-HLC ngày 05/3/2019.

Công ty đã khoán chỉ tiêu Ak than nguyên khai bình quân cho từng vỉa, từng khai trường của từng đơn vị sản xuất than; đã tổ chức khoán chi phí theo năm và quyết toán theo quý đến các công trường, phân xưởng và các đầu xe máy, thiết bị vận tải. Hệ thống định mức khoán được thường xuyên rà soát kỹ, điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện sản xuất thực tiễn, đã khuyến khích được sản xuất.



Công tác quản trị chi phí giá thành đã được gắn liền với tiết kiệm chi phí, có kiểm soát và được triển khai đồng bộ từ Công ty đến các công trường, phân xưởng, trong đó đã đề ra phương án thực hành tiết kiệm như: tiết kiệm nhiên liệu, động lực, thép chống lò và ray thu hồi, chi phí sửa chữa thiết bị và phát huy các sáng kiến hợp lý hoá sản xuất..., Công ty đã và đang từng bước khắc phục những hạn chế, tích cực đẩy mạnh công tác quản trị chi phí- khoán chi phí của Công ty ngày càng hoàn thiện hơn.

## II. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019

### 1. Đánh giá chung

Sau khi xem xét, Ban kiểm soát nhận thấy công tác tài chính kế toán cơ bản được thực hiện đảm bảo quy định hiện hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, được cập nhật theo dõi và quản lý trên phần mềm kế toán.....

Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty được lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 12/12/2014 của Bộ Tài chính và đã được kiểm toán theo quy định bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam phát hành báo cáo kiểm toán số 65/2020/BCKT-PKF.VPC ngày 25 tháng 3 năm 2020.

Hệ thống chứng từ kế toán, sổ kế toán được lập, ghi chép và lưu trữ theo đúng quy định, số liệu kế toán rõ ràng, trung thực các hoạt động kinh tế phát sinh trong năm tài chính.

Báo cáo tài chính năm 2019 bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả hoạt động SXKD, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính đã được Công ty lập theo quy định hiện hành.

Chế độ báo cáo tài chính: Công ty thực hiện báo cáo tài chính theo quý, năm tài chính theo quy định hiện hành.

### 2. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu tài chính năm 2019

#### 2.1. Các chỉ tiêu tài chính năm 2019:

Năm 2019 các chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn, tài sản, khả năng thanh toán và hiệu quả hoạt động đều thể hiện Công ty có tình hình tài chính tốt, vốn đầu tư của cổ đông được bảo toàn, được biểu hiện cụ thể tại bảng số 01.

**Bảng số 01: Các chỉ tiêu tài chính năm 2019**

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	Tăng, giảm
A	B		1	2	3=2-1
1	Hệ số thanh toán nợ đến hạn	Lần	0,62	0,21	-0,41
3	Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	11,02	10,01	-1.01
2	Hệ số phản ánh cơ cấu tài sản	%	100,00	100,00	
a	Tỷ lệ đầu tư vào tài sản ngắn hạn	%	14,15	5,29	-8,86
b	Tỷ lệ đầu tư vào tài sản dài hạn	%	85,85	94,71	8,86
3	Hệ số về khả năng sinh lời				

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	Tăng, giảm
a	Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA)	%	1,35	0,62	-0,73
b	Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	19,49	7,38	-12,11

Đánh giá chung: Năm 2019 Công ty đã bảo toàn phát triển được vốn đầu tư của chủ sở hữu, nhưng các chỉ tiêu tài chính chủ yếu đều giảm so với năm 2018.

**2.2. Vốn điều lệ của Công ty:** Tại thời điểm 31/12/2019, Vốn điều lệ là 254.151.990.000 đ chi tiết góp vốn tại bảng số 02:

**Bảng số 02: Bảng tổng hợp góp vốn điều lệ đến thời điểm ngày 31/12/2019**

T	Nội dung	Lũy kế số vốn góp đến 31/12/2019	Tỷ lệ % góp vốn
1	Tập đoàn Công nghiệp Than – KS Việt nam	188.594.246.000	74.21
2	Vốn góp của các cổ đông khác	65.557.744.000	25.79
	<b>Tổng cộng</b>	<b>254.151.990.000</b>	<b>100.00</b>

**3. Bảng cân đối kế toán thời điểm ngày 31/12/2019, được phản ánh tổng hợp tại bảng số 03, như sau:**

**Bảng số 03: Bảng cân đối kế toán**

Đơn vị tính: Đồng

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Số cuối kỳ 31/12/2019	Số đầu năm 01/01/2019	Tăng, giảm	
					Số tiền	Tỷ lệ %
A	B	C	1	2	3=1-2	4=3/2
A	Tài sản ngắn hạn	100	172.016.690.740	556.811.730.154	-384.795.039.414	-69,10
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	2.845.548.066	1.515.891.410	1.329.656.656	87.72
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	0	0	0	
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	15.177.968.953	411.114.351.064	-395.936.382.111	-96,31
IV	Hàng tồn kho	140	119.124.877.542	118.858.260.855	266.616.687	0,22
V	Tài sản ngắn hạn khác	150	34.868.296.179	25.323.226.825	9.545.069.354	37,69
B	Tài sản dài hạn	200	3.076.640.912.301	3.378.037.178.846	-301.396.266.545	-8,92
I	Các khoản phải thu dài hạn	210	36.293.763.400	32.702.689.405	3.591.073.995	10,98
II	Tài sản cố định	220	2.661.291.142.778	2.988.038.069.662	-326.746.926.884	-10,93
1	Tài sản cố định	221	2.658.032.690.910	2.987.967.383.249	-329.934.692.339	-11,04

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Số cuối kỳ 31/12/2019	Số đầu năm 01/01/2019	Tăng, giảm	
					Số tiền	Tỷ lệ %
A	B	C	1	2	3=1-2	4=3/2
	hưu hình					
2	Tài sản cố định vô hình	227	3.258.451.868	70.686.413	3.187.765.455	4.488,7
III	Bất động sản đầu tư	230	0	0	0	
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240	4.999.246.043	2.240.569.497	2.758.676.546	
V	Đầu tư tài chính dài hạn	250	0	0	0	
VI	Tài sản dài hạn khác	260	374.056.760.080	355.055.850.282	19.000.909.798	5,35
	Tổng cộng tài sản (270= 100 + 200)	270	3.248.657.603.041	3.934.848.909.000	-686.191.305.959	-17,44
C	Nợ phải trả	300	2.955.445.956.143	3.608.582.281.726	-653.136.325.583	-18,1
I	Nợ ngắn hạn	310	829.835.099.775	897.652.305.464	-67.817.205.689	-7,55
II	Nợ dài hạn	330	2.125.610.856.368	2.710.929.976.262	-585.319.119.894	-21,59
D	Vốn chủ sở hữu	400	293.211.646.898	326.266.627.274	-33.054.980.376	-10,13
I	Vốn chủ sở hữu	410	293.211.646.898	326.266.627.274	-33.054.980.376	10,13
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411	254.151.990.000	254.151.990.000	0	0
2	Quỹ đầu tư phát triển	418	18.900.919.202	18.900.919.202	0	0
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20.158.737.696	53.213.718.072	-33.054.980.376	-62,12
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	20.158.737.696	53.213.718.072	-33.054.980.376	-62,12
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	0	0	0	
	Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440	3.248.657.603.041	3.934.848.909.000	-686.191.305.959	-17,44

**4. Về báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019, được phản ánh cụ thể tại Bảng số 04, như sau:**

**Bảng số 04: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019**

Đơn vị tính:

Đồng

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay 2019	Năm trước 2018	Tăng, giảm	
					Số tiền	Tỷ lệ %
A	B	C	1	2	3=1-2	4=3/2

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay 2019	Năm trước 2018	Tăng, giảm	
					Số tiền	Tỷ lệ %
A	B	C	1	2	3=1-2	4=3/2
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	3.155.001.951.029	3.150.769.231.563	4.232.719.466	0,13
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2	0	0	0	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	3.155.001.951.029	3.150.769.231.563	4.232.719.466	0,13
4	Giá vốn hàng bán	11	2.675.052.431.147	2.626.276.142.826	48.776.288.321	1,86
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	479.949.519.882	524.493.088.737	-44.543.568.855	- 8,49
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	953.287.855	1.004.560.429	-51.272.574	- 5,07
7	Chi phí tài chính	22	251.430.429.994	289.229.319.946	-37.798.889.952	- 13,07
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23	251.426.801.440	289.229.319.946	-37.802.518.506	-13,07
8	Chi phí bán hàng	25	30.226.987.116	52.279.827.711	-22.052.840.595	- 42,18
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	107.760.628.208	117.426.908.667	-9.666.280.459	- 8,23
10	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30	91.484.762.419	66.561.592.842	24.923.169.577	37,44
11	Thu nhập khác	31	513.329.562	689.276.348	-175.946.786	- 25,39
12	Chi phí khác	32	12.650.420.918	598.370.647	12.052.050.271	2.015,4
13	Lợi nhuận khác	40	(12.137.091.356)	90.905.701	-12.227.997.057	- 13,585
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	79.347.671.063	66.652.498.543	12.695.172.520	19,05
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	59.188.933.367	13.438.780.471	45.750.152.896	340,45
16	Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52				

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay 2019	Năm trước 2018	Tăng, giảm	
					Số tiền	Tỷ lệ %
A	B	C	1	2	3=1-2	4=3/2
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60	20.158.737.696	53.213.718.072	-33.054.980.376	- 52,12
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	600	700	-100	- 14,29

### 5. Đánh giá chung về báo cáo tài chính năm 2019:

Ban kiểm soát Công ty thống nhất với nhận xét đánh giá của Công ty TNHH PKF Việt Nam đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty và xác nhận “xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### 6. Kiến nghị:

- Về công tác quản lý đầu tư xây dựng: Đề nghị Công ty khẩn trương hoàn tất hồ sơ quyết toán dự án Đầu tư khai thác phần dưới -50 mỏ than Hà Lâm đáp ứng yêu cầu về nội dung, yêu cầu về thời gian: lập, kiểm toán, thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo hướng dẫn quy định (xem Thông tư 09/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài Chính).

- Công ty thường xuyên rà soát định mức kinh tế kỹ thuật, ban hành bổ sung các định mức cho phù hợp,...đảm bảo quy định của Luật thuế thu nhập Doanh nghiệp, hiện nay là Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính.

- Đề nghị công ty thực hiện xác định chi phí lãi vay đảm bảo qui định của nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017.

Trên đây là báo cáo thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2019. Ban kiểm soát Công ty trân trọng báo cáo trình trước Đại hội.



kiểm toán còn lại trong danh sách các Công ty kiểm toán độc đã lập được Bộ Tài chính và Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận là Tổ chức kiểm toán độc lập được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng và đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán hàng năm.

*pmtd*



Số: 01/2020/NQ-ĐHĐCĐTN

Hạ Long, ngày ... tháng 4 năm 2020

“Dự thảo”

**NGHỊ QUYẾT**  
**Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13;  
Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty CP Than Hà Lâm - Vinacomin;  
Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty CP Than Hà Lâm - Vinacomin được tổ chức vào ngày 17 tháng 4 năm 2020;  
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 - Công ty CP Than Hà Lâm - Vinacomin thống nhất,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Thông qua các báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 bao gồm:**

**1- Báo cáo kết quả SXKD năm 2019, kế hoạch SXKD năm 2020 về một số chỉ tiêu chủ yếu:**

(i) Kết quả SXKD năm 2019 về một số chỉ tiêu chủ yếu

	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KH NĂM 2019	KH NĂM 2019 ĐIỀU CHỈNH	THỰC HIỆN NĂM 2019	SO SÁNH %	
						TH/KH	TH/KHĐC
A	B	C	1	2	3	4=3/1	5=3/2
1	Than nguyên khai khai thác	Tấn	3 150 000	3 265 000	3 270 468	103,82	100,17
	- Than lộ thiên	"	750 000	965 000	965 591	128,75	100,06
	- Than hầm lò	"	2 400 000	2 300 000	2 304 877	96,04	100,21
2	Đất bóc CBSX	1000 m <sup>3</sup>	1 430	2 500	2 501	174,89	100,04
3	Đào lò CBSX	m	9 500	9 100	9 152	96,34	100,57
4	Than tiêu thụ	Tấn	3 005 000	3 120 000	3 165 420	105,33	101,45
5	Doanh thu than	Tr.đồng	2 973 677	3 117 638	3 136 722	105,48	100,61
6	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	43.048	62.722	79.348	184,3	126,5



	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KH NĂM 2019	KH NĂM 2019 ĐIỀU CHỈNH	THỰC HIỆN NĂM 2019	SO SÁNH %	
						TH/KH	TH/KHDC
7	Lợi nhuận sau thuế *	Tr. đồng			20.159		
8	Lao động bình quân	Người	3 145	3 145	3 100	98,57	98,57
9	Tiền lương bình quân/người/tháng	1000đ	13 540	13 540	13 935	102,91	102,91

\* Lợi nhuận sau thuế đã tính nộp thuế TNDN của phần chi phí lãi vay vượt quy định theo Nghị định 20/2017 ngày 24/12/2017 của Chính phủ

-Thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2019 tính trên cơ sở hóa đơn đối với hạng mục thực hiện và tạm ứng đối với hạng mục mới ký hợp đồng như sau:

*ĐVT: triệu đồng*

TT	Nội dung công việc	KH 2019	KH 2019 điều chỉnh	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ hoàn thành
<b>I</b>	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>221.566</b>	<b>132.228</b>	<b>110.317</b>	<b>83%</b>
1	Xây lắp	19.780	8.913	8.913	100%
2	Chi phí thiết bị	186.902	110.002	95.848	87%
3	Chi phí tư vấn và chi phí khác	14.884	13.314	5.556	42%

**(ii) Kế hoạch SXKD năm 2020 về một số chỉ tiêu chủ yếu, dự kiến mức cổ tức năm 2020.**

-Kế hoạch SXKD năm 2020 về một số chỉ tiêu chủ yếu

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2020
1	Than nguyên khai khai thác	1000Tấn	<b>2.685</b>
	- Than lộ thiên	"	285
	- Than hầm lò	"	2.400
	+ Trong đó than lò chợ CGH:	"	1.800
2	Đất CBSX	1000 m3	480
3	Mét lò CBSX	"	9.500
4	Than tiêu thụ	1000Tấn	2.686
5	Doanh thu than	Tr.đồng	2.871.880
6	Lợi nhuận sản xuất than	"	43.367
7	Lao động bình quân	Người	3.056
8	Tiền lương bình quân/người/tháng	1000đ	15.212

- Kế hoạch đầu tư XD năm 2020

Tổng giá trị: 323.025 Tr.đ

Trong đó

- Xây dựng: 19.961 Tr.đ

- Thiết bị: 286.230 Tr.đ

- Khác: 16. 834 Tr.đ

- Kế hoạch mức cổ tức thanh toán năm 2020: Dự kiến từ 5%-6%/Vốn điều lệ
- Ủy quyền: Đại hội ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh kế hoạch SXKD khi điều kiện SXKD có sự thay đổi hoặc Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam điều chỉnh hợp đồng phối hợp kinh doanh với Công ty, nhưng phải đảm bảo lợi nhuận thực hiện không thấp hơn lợi nhuận kế hoạch đã được đại hội thông qua.

## 2- Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TÓM TẮT

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TT	TÀI SẢN	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<b>I</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>172.016.690.740</b>	<b>556.811.730.154</b>
1	- Tiền và các khoản tương đương tiền	2.845.548.066	1.515.891.410
2	- Các khoản Đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	- Các khoản phải thu ngắn hạn	15.177.968.953	411.114.351.064
4	- Hàng tồn kho	119.124.877.542	118.858.260.855
5	- Tài sản ngắn hạn khác	34.868.296.179	25.323.226.825
<b>II</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>3.076.640.912.301</b>	<b>3.378.037.178.846</b>
1	- Các khoản phải thu dài hạn	36.293.763.400	32.702.689.405
2	- Tài sản cố định	2.661.291.142.778	2.988.038.069.662
3	- Tài sản dở dang dài hạn	4.999.246.043	2.240.569.497
4	- Tài sản dài hạn khác	374.056.760.080	355.055.850.282
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>3.248.657.603.041</b>	<b>3.934.848.909.000</b>
<b>III</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>2.955.445.956.143</b>	<b>3.608.582.281.726</b>
1	- Nợ ngắn hạn	829.835.099.775	897.652.305.464
2	- Nợ dài hạn	2.125.610.856.368	2.710.929.976.262
<b>IV</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>293.211.646.898</b>	<b>326.266.627.274</b>
1	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>293.211.646.898</b>	<b>326.266.627.274</b>
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	254.151.990.000	254.151.990.000
	- Thặng dư vốn cổ phần		
	- Vốn khác của chủ sở hữu		
	- Quỹ đầu tư phát triển	18.900.919.202	18.900.919.202
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	20.158.737.696	53.213.718.072
2	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		

TT	TÀI SẢN	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
	- Nguồn kinh phí sự nghiệp		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>3.248.657.603.041</b>	<b>3.934.848.909.000</b>

**Phần thứ hai**  
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1- Doanh thu bán hàng và CC DV	<b>3.155.001.951.029</b>	<b>3.150.769.231.563</b>
2- Các khoản giảm trừ doanh thu		
3- Doanh thu thuần ( 10 = 01-02)	<b>3.155.001.951.029</b>	<b>3.150.769.231.563</b>
4- Giá vốn hàng bán	2.675.052.431.147	2.626.276.142.826
5- Lợi nhuận gộp (20=10-11)	<b>479.949.519.882</b>	<b>524.493.088.737</b>
6- Doanh thu hoạt động tài chính	953.287.855	1.004.560.429
7- Chi phí tài chính	251.430.429.994	289.229.319.946
- Trong đó: Chi phí lãi vay	251.426.801.440	289.229.319.946
8- Chi phí bán hàng	30.226.987.116	52.279.827.711
9- Chi phí quản lý doanh nghiệp	107.760.628.208	117.426.908.667
10- LN thuần từ HĐKD (30=20+21-22-24-25)	<b>91.484.762.419</b>	<b>66.561.592.842</b>
11- Thu nhập khác	513.329.562	689.276.348
12- Chi phí khác	12.650.420.918	598.370.647
13- Lợi nhuận khác (40=31-32)	<b>-12.137.091.356</b>	<b>90.905.701</b>
14- Tổng LN kế toán trước thuế (50=30+40)	<b>79.347.671.063</b>	<b>66.652.498.543</b>
15- Chi phí thuế TNDN hiện hành	59.188.933.367	13.438.780.471
16- Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
17- Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	<b>20.158.737.696</b>	<b>53.213.718.072</b>
18- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	600	700

**Phần thứ ba**  
**CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN**

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
1	Cơ cấu tài sản		

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
	- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản (%)	95	86
	- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản (%)	5	14
<b>2</b>	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>		
	- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn (%)	91	92
	- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn (%)	9	8
<b>3</b>	<b>Khả năng thanh toán (lần)</b>		
	- Khả năng thanh toán hiện thời	0.21	0.62
	- Khả năng thanh toán nhanh	0.63	0.48
<b>4</b>	<b>Tỷ suất lợi nhuận (%)</b>		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	0.63	1.68
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	0.62	1.35
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn CSH	6.88	16.31
<b>5</b>	<b>Hệ số nợ /Vốn chủ sở hữu (lần)</b>	10.01	11.02

**3- Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và thành viên HĐQT năm 2019, phương hướng hoạt động năm 2020.**

**4- Báo cáo hoạt động của BKS năm 2019, kế hoạch hoạt động của BKS năm 2020.**

**5- Báo cáo thẩm định Báo cáo Tài chính, Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2019 của Công ty;**

**6- Đề xuất của BKS lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.**

Công ty TNHH PKF Việt Nam là doanh nghiệp được tách từ Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam (tiền thân là AFC Sài Gòn - là một trong những công ty kiểm toán đầu tiên của Bộ Tài chính Việt Nam, được thành lập tại TP. Hồ Chí Minh từ năm 1995) theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên ngày 14/09/2015, với mã số doanh nghiệp 0313440640.

PKF Việt Nam là Công ty kiểm toán có hơn 20 năm kinh nghiệm hoạt động chuyên ngành kiểm toán tại Việt Nam; và cũng là Công ty kiểm toán có rất nhiều năm kinh nghiệm kiểm toán cho các đơn vị ngành than (từ năm 1997 đến nay), trong đó có kinh nghiệm kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam từ năm 2009 đến nay.

## **Điều 2. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2019**

- Mức cổ tức thanh toán năm 2019 là 6%/VDL (Sáu phần trăm/Vốn điều lệ) và trích lập các quỹ như sau:

TT	Nội dung	Số tiền (Tr.đ)
<b>I</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>79.348</b>
1	Trích nộp thuế TNDN	59.189
<b>II</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>20.159</b>
1	Chia cổ tức: 6% vốn điều lệ	15.249
2	Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích nội dung (1)	4.910
2.1	Trích quỹ đầu tư phát triển: 0%	0
2.2	Quỹ thưởng viên chức quản lý ( $\leq 1,5$ tháng lương thực hiện của viên chức quản lý năm 2019)	476
2.3	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ( $\leq 3$ tháng lương thực hiện của Công ty năm 2019)	4.434
-	<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	

**Điều 3. Thông qua mức thù lao, tiền lương của thành viên HĐQT, BKS năm 2019 và kế hoạch tiền thù lao, tiền lương của thành viên HĐQT, BKS năm 2020.**

**1. Mức tiền lương, thù lao HĐQT, BKS, Ban Giám đốc, kế toán trưởng Công ty năm 2019:**

*DVT: Triệu đồng*

STT	Chức danh	Số người	Tổng số	Trong đó		Ghi chú
				Lương	Thù lao	
1	Hội đồng Quản trị	5	285,6	0	285,6	Kiểm nhiệm
2	Trưởng BKS	1	68,9	68,9	0	Chuyên trách, thôi giữ chức vụ 24/4/2019 (ông Bùi Hữu Đăng)
3	Trưởng BKS kiêm nhiệm		36,8	0	36,8	Kiểm nhiệm từ tháng 5/2019
4	Thành viên BKS	2	110,4	0	110,4	Kiểm nhiệm
5	Người quản lý (BGD và Kế toán trưởng)	7	2914,2	2 914,2	0	03 (Giám đốc và 2 phó giám đốc) kiêm thành viên HĐQT
	<b>Tổng cộng</b>		<b>2 415,9</b>	<b>2 983,1</b>	<b>432,8</b>	

**2. Mức tiền lương các cán bộ quản lý và thù lao HĐQT, BKS năm 2020:**

(i) Thù lao của các thành viên HĐQT và BKS kiêm nhiệm chức vụ năm 2020

TT	Chức danh	Mức lương để tính thù lao (đ/người/tháng)	Mức thù lao (đồng/người/tháng)
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4 = 3 x 20%</b>
1	Chủ tịch HĐQT	27 000 000	5 400 000
2	Thành viên HĐQT	23 000 000	4 600 000
3	Trưởng BKS	23 000 000	4 600 000
4	Thành viên BKS	23 000 000	4 600 000

(ii) Mức Tiền lương của Người quản lý Công ty năm 2020

TT	Chức danh	Số người	Tiền lương giao khoản 1 tháng theo QĐ1387 (1000đ)	Tiền lương bình quân 1 tháng KH năm 2020 (1000đ/ng -tháng)	Tiền lương kế hoạch 1 tháng năm 2020 (1000đ)	Quỹ lương KH năm 2020 (1000đ)
1	Giám đốc	1	26 000	39 000	39 000	468 000
2	Phó giám đốc	5	23 000	34 500	172 500	2 070 000
3	Kế toán trưởng	1	21 000	31 500	31 500	378 000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>7</b>			<b>243 000</b>	<b>2 916 000</b>

(iii) Tổng mức tiền lương và thù lao Công ty sẽ trả cho các thành viên HĐQT, BKS kiêm nhiệm chức vụ và lương của Người quản lý Công ty, năm 2020 :

TT	Chức danh quản lý	Số người	Tiền thù lao (Tr.đ/năm)	Tiền lương (Tr.đ/năm)
1	Chủ tịch HĐQT	01	64,8	0
2	Thành viên HĐQT	04	220,8	0
3	Trưởng BKS kiêm nhiệm	01	55,2	0
4	Thành viên BKS kiêm nhiệm	02	110,4	0
5	Giám đốc	01		468
6	Phó giám đốc	05		2 070
7	Kế toán trưởng	01		378
	<b>Tổng cộng</b>		<b>451,2</b>	<b>2 916</b>

**Phương thức chi trả thù lao và tiền lương**

Hằng quý hoặc 6 tháng các thành viên HĐQT, BKS, Công ty được tạm ứng 80% mức thù lao; hằng tháng các cán bộ quản lý được tạm ứng 80% tiền lương của tháng đó; Số tiền thù lao và tiền lương còn lại được quyết toán vào cuối năm trên cơ sở kết quả SXKD của Công ty và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các thành viên HĐQT, BKS và cán bộ quản lý Công ty.

#### **Điều 4. Hiệu lực và tổ chức thực hiện Nghị quyết**

1. Hiệu lực: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ thời điểm Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 tán thành biểu quyết thông qua đạt tỷ lệ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Tổ chức thực hiện Nghị quyết: Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021./.

#### **Nơi nhận:**

- Các cổ đông (tiếp cận tại Website của Công ty);
- UBCK NN;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- HĐQT, BKS;
- Đảng ủy, BCHCD, ĐTN;
- Ban Giám đốc, cán bộ quản lý khác;
- Phòng CV CBTT trên thị trường chứng khoán và đăng (Website);
- Lưu T.ký; Hồ sơ Đại hội.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**

**Nguyễn Trọng Tốt  
CHỦ TỊCH HĐQT**

